

TRAO ĐỔI

GÓP Ý BẢN DỊCH “THIÊN UYỂN TẬP ANH” của ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga (Tiếp theo)

Song Hào Lý Việt Dũng*

Sách *Thiên uyển tập anh* (Anh tú vườn thiên) do ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, được Nhà xuất bản Văn học hợp tác với Phân viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội xuất bản năm 1990. Công sức, của hai dịch giả thật đáng trân trọng, chỉ có điều đáng tiếc là bản dịch này mắc khá nhiều sai sót mà qua các lần tái bản vẫn chưa được hai dịch giả chỉnh sửa hết.

Trên tinh thần cùng nhau góp sức để có được một bản dịch khả dĩ mang lại cho bạn đọc cái nhìn tương đối chính xác về các thiền sư Việt Nam thời xa xưa, chúng tôi mạnh dạn góp ý cùng hai dịch giả Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga qua bài viết này. Mong ông Ngô Đức Thọ và bà Nguyễn Thúy Nga nguyên lượng cho việc chằng đặng dừng. Cách làm của chúng tôi là nhặt ra các sai sót và góp ý chỉnh sửa, từ đầu đến cuối sách *Thiên uyển tập anh* do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, bản in của Nxb Văn học, năm 1990 (trong bài viết tắt là Bản NĐT). Phần đối chiếu nguyên văn, chúng tôi căn cứ vào bản khắc in *Thiên uyển tập anh* niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) và bản khắc in *Đại Nam Thiên uyển truyền đăng tập lục* niên hiệu Tự Đức thứ 12 (1859) của hòa thượng Phúc Điền Bô Sơn.

Trang 67

(Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

Hựu vấn: Như hà thị xúc mục bồ đề?

Sư vân:

Kỷ kinh khúc mộc điểu (幾惊曲木鳥)

Tần xuy lãnh tê nhân (頻吹冷壘人)

Tiến vân: Học nhân bát hội

Sư vân:

Lung nhân thính cầm hưởng

Manh giả vọng thiền thù

Bản NĐT dịch:

“Lại hỏi: “Thế nào là ‘xúc mục bồ đề?’ (Chân lý ngay trước mắt)”

Đáp:

Cây cong chim hoảng sợ

*Thổi mãi **lạnh cóng** người*

Hỏi: Kẻ học này chưa hiểu, xin thầy đổi cho thí dụ khác

* Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đáp:

*Kẻ điếc nghe đàn sáo
Người mù ngắm trăng sao*

Hai câu “*Kỷ kinh khúc mộc điệu. Tần xuy lãnh tê nhân*” mà dịch “*Cây cong chim hoảng sợ. Thổi mãi lạnh cóng người*” thì vừa sai ngữ nghĩa mà cũng không nói lên được ý thiên. Chữ **kỷ** (幾) trong câu đầu có nghĩa là **hiều lần**, **mãi mãi**, ý toàn câu là: “Con chim bao lần sợ cành cây cong”. Chữ **tê** (齧) trong câu kế là một chữ Nho chớ không phải chữ Nôm, nên không thể qua âm **tê** mà hiểu là **tê cóng** rồi dịch **lãnh tê** (冷齧) là **lạnh cóng người**. Chữ **tê** (齧) này nghĩa thông thường là **rau dưa đem muối**. Vậy **lãnh tê** chỉ thức ăn **nguội lạnh**, và ý toàn câu là “*người thổi mãi thức ăn dưa muối nguội lạnh*”. Đây là hai câu thơ biên ngẫu được tác giả viết theo lối đảo trang, tức đem chủ từ **điệu** (鳥) và **nhân** (人) ra cuối câu, cho nên muốn dịch tốt hai câu trên chúng ta phải hiểu thứ tự các chữ của chúng là: “*Điệu kỷ kinh khúc mộc. Nhân tần xuy lãnh tê*”. Và có lẽ nên dịch là:

*Chim sợ mãi cành cây cong
Người thổi hoài dưa muối nguội*

Mà “*Người thổi hoài dưa muối nguội*” là gì? Đây lấy ý từ tích xưa có anh chàng nọ rất háu ăn, lên mâm cơm là anh ta gấp húp lia lịa nhằm phải canh nóng bị phỏng miệng. Từ đó về sau, vì sợ bị phỏng miệng nên dù trên mâm cơm dọn toàn thức ăn rau dưa muối nguội, anh ta cũng sợ sệt vô lý, cứ thổi mãi cho nó nguội, tức chỉ một hành động ngu xuẩn vô lý chẳng khác nào con chim chỉ bị cung bắn một lần là mãi mãi về sau hễ thấy cành cây nào có dáng cong cong là nó hoảng sợ.

Mà tại sao tăng hỏi về “*xúc mục bồ đề*” mà sư Viên Chiếu lại đưa ra hình ảnh hai chuyện ngu xuẩn nghịch lý để đáp lại? Nguyên “*xúc mục bồ đề*” có nghĩa là: “*Nhìn bất cứ đâu cũng thấy chân lý khi đã giác ngộ*” được thể hiện qua ngữ lục sau đây:

Thạch Sương Khánh Chư tham kiến Đạo Ngộ hỏi:

- Thế nào là xúc mục bồ đề?

Đạo Ngộ gọi:

- Sa di!

Sa di đáp:

- Dạ.

Đạo Ngộ nói:

- Thêm nước vào tịnh bình.

Hàm ý khải thị Thạch Sương là khi người đã ngộ thì nhìn đâu đâu cũng thấy chân lý. Chân lý ấy giản dị bình thường như chuyện sa di thêm nước vào tịnh bình (*Cảnh Đức truyền đăng lục*, q. 15). Muốn “*xúc mục bồ đề*” thì đừng chấp trước vô lý như con chim chỉ bị bắn một lần thấy cây cong là hoảng sợ, hoặc do húp phải thức ăn nóng một lần phỏng miệng rồi về sau dù gặp thức ăn rau dưa muối nguội lạnh cũng cứ thổi hoài. Sư đã khải thị như thế mà ông tăng tối dạ vẫn không hiểu xin cho ví dụ khác, nên sư phải bổ sung bằng một thí dụ dễ hiểu hơn là muốn “*xúc mục bồ đề*” thì đừng làm những hành động hàm hồ, nghịch lý như kẻ điếc nghe tiếng đàn, người mù ngắm ánh trăng.

Trang 70
(Tiểu truyện thiên sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“Xảo ngôn lĩnh sắc giả (巧言令色者)
Toản quy đả ngỗ nhân (鑽龜打瓦人)”

Bản NĐT dịch:

“Kẻ khéo mồm giả dối.
Mai trơ ngói vỡ thôi”

và chú: “Toản quy đả ngỗ nhân: Kẻ dúi mai rùa và đập ngói (mai rùa cứng dúi mãi vẫn trơ không thủng. Đập ngói cho nhỏ thì ngói vỡ không dùng được) chỉ người làm những việc uống công vô ích”.

Dịch và chú như thế cũng không có gì sai, vì **toản quy đả ngỗ** (鑽龜打瓦) đúng là **dúi mai rùa** và **đập ngói** hàm ý chỉ người làm những việc vô ích, nhưng ý nghĩa việc làm vô ích thì không phải như Bản NĐT giải thích. Nguyên khi xưa để tìm ngọc trai người ta tách vỏ con trai, để tìm bạch ngọc người ta đập vỡ khối đá ra. Lắm kẻ ngu si thấy thế bèn dúi, nạy mai rùa để tìm ngọc trai, đập vỡ ngói để tìm bạch ngọc, nhưng nào tìm thấy vì đó chỉ là những hành động hư vọng vô ích. Hành động ngu xuẩn: “Soi rùa tìm ngọc trai (toản quy mịch châu), “Đập ngói tìm ngọc bích” (đả ngỗ đắc ngọc) còn được diễn dịch cách khác như “toản thủy đắc tô” (khuấy nước lã thành sữa bơ) hay nói theo ngữ khí Việt Nam là “nước lã khuấy nên hồ” hoặc “toản hỏa đắc băng” (mọi trong lửa tìm nước đá).

Còn “xảo ngôn lĩnh sắc” là chữ trong Luận ngữ: “Xảo ngôn lĩnh sắc tiền hỹ nhân”, vậy nên dịch là “kẻ khéo mồm mị mắt”.

Trang 72
(Tiểu truyện thiên sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“Hựu vấn: “Chúng chủng thủ xả giai thị luân hồi. Bất thủ bất xả thời như hà?”

Sư vân: Tùng lai hồng hiện thù thường sắc (從來紅莧殊常色)
Hữu diệp sâm si bất hữu hoa (有葉參差不有花)”

Bản NĐT dịch:

“Hỏi: “Thủ hay xả đều là ở trong vòng luân hồi. Không thủ không xả thì thế nào?”

Đáp: Xưa nay hồng đẹp sắc nay khác
Cành lá xum xuê chẳng có hoa”

Dịch như vậy có mấy điểm không ổn vì **hồng hiện** (紅莧) là từ đôi có nghĩa là cây “dền đỏ” chứ không phải là “cây hồng đẹp”. Thứ đến chữ **thù** (殊) trong ngữ cảnh câu này không có nghĩa “khác biệt” theo nghĩa thông thường của nó mà có nghĩa là “hầu như” và “thù thường sắc” có nghĩa là: “hầu như luôn luôn có màu sắc” chứ không phải “sắc nay khác”. Vậy toàn câu thơ có nghĩa là:

“Từ xưa tới giờ, cây đèn đỏ hầu như luôn luôn có màu sắc”. Chữ **thù** (殊) với nghĩa “hầu như” này được các trước tác Hoa văn dùng rất nhiều, thí dụ như trong *Liêu trai chí dị*, ở truyện Thanh Phụng, Bồ Tùng Linh viết: “... Sinh viết: ‘Lâu hạ chi tu, cảnh cảnh tại niệm. Tha sự bất cảm dữ văn, tất dục bộc hiệu miền bạc, phi Thanh Phụng lai bất khả’. Hiếu nhi linh thê viết: ‘Phụng muội dĩ dã tử tam niên hĩ!’. Sinh phát y viết: ‘Ký nhĩ, hận tư thâm nhĩ’. Cháp quyển cao ngâm **thù** bất cố chiêm. Hiếu nhi khởi khóc thất thanh...”, nghĩa là: “Sinh nói: ‘Cái nhục bị chưởi bới dưới lầu vẫn canh cánh bên lòng. Chuyện gì khác thì không dám nghe đâu, tất muốn kẻ hèn này góp chút công mọn, ngoài Thanh Phụng đến đây thì chẳng được đâu’. Hiếu nhi khóc thảm nói: ‘Em Phụng nó đã chết ngoài đồng được ba năm rồi!’. Sinh phát áo nói: ‘Nếu vậy thì hận này càng sâu!’. Nói đoạn cầm sách ngâm to, **hầu như** chẳng thềm để ý đến Hiếu Nhi. Hiếu Nhi đứng dậy khóc ngất...”. Hoặc ở quyển 7, sách *Ngũ đăng hội nguyên* chép: “*Sư cố thị phương trượng viết: ‘Hữu ma? Hữu ma?’. Sơn tọa thứ thù bất cố phán*”, nghĩa là: “(Thiền sư Tuyên Giám lúc còn là tăng nhân, đến pháp đường Quy Sơn) nhìn phương trượng nói: ‘Có không? Có không vậy cà?’, hòa thượng Quy Sơn lúc đó đang ngồi, **hầu như** chẳng thềm nhìn ngó để ý đến Giám ta”.

Chuyện “cây đèn đỏ luôn có lá màu tươi thắm nhưng không có hoa” này, tác giả đã mượn ý ở câu nói của hòa thượng Lộc Thanh chép trong quyển 15, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-321): *Tăng vấn: “Bất lạc Đạo Ngô cơ, thỉnh sư đạo”. Sư vân: “Đình tiền hồng hiện thọ. Sanh diệt bất sanh hoa*”, nghĩa là tăng hỏi: “Không rơi vào cơ ngữ của Đạo Ngô, thỉnh sư nói!”. Thiền sư Lộc Thanh nói: “Trước sân cây đèn đỏ. Có lá chẳng có hoa”. Vậy xin dịch hai câu thơ trên là:

Đèn đỏ xưa nay hầu đầy sắc
Có lá sum suê chẳng có hoa

Về từ **hồng hiện thụ** (紅莧樹) này, chúng tôi xin bổ sung thêm là quyển 22, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-384) có chép: *Viết: “Hòa thượng như hà thị nhân?”, sư viết: “Trù trưởng đình tiền hồng hiện thụ. Niên niên sanh diệt bất sanh hoa*”, nghĩa là tăng hỏi: “Hòa thượng dạy người thế nào?”, hòa thượng Huyền Kiêm Sơn Trùng đáp: “Thần thờ đèn đỏ mọc trước sân. Quanh năm ra lá chẳng ra hoa”.

Trang 74 (Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

“*Tổ ý dữ Giáo ý như hà?*”

Bản NĐT dịch: “**Ý của Tổ và ý trong kinh sách thế nào?**”.

Dịch như vậy là dịch theo nghĩa từng chữ một: Tổ ý tức ý Tổ, còn Giáo ý tức ý của kinh giáo, tức ý trong kinh sách. Dịch vô thưởng vô phạt như thế đối với trước tác Thiền tông thì không hay lắm, vì **Tổ ý** và **Giáo ý** là những thuật ngữ có nghĩa rất đặc thù.

Tổ ý là dụng ngữ của Thiền lâm, là từ gọi tắt của “*Tổ sư Tây lai ý*”, tức chỉ ý vi diệu của Thiền tông. Nhân chỉ ý vi diệu này được Tổ Thiền tông Bồ

Đề Đạt Ma truyền cho đời sau qua cách bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ tâm ấn nên gọi là **Tổ ý**. **Tổ ý** cũng được dùng để ám chỉ **Thiền tông**.

Còn Giáo ý là từ đối lập với Tổ ý, ám chỉ **Giáo tông**, đối nghĩa của **Thiền tông**. Giáo tông truyền thừa qua ngôn ngữ văn tự ghi chép trong kinh giáo cho nên cũng gọi là **nội truyền**. Chỉ ý của các tông ngoài Thiền tông mà tiêu biểu là Tịnh độ tông, Thiền Thai tông và Chân ngôn tông gọi là Giáo ý.

Vậy câu trên nên dịch là: “Chỉ ý của Thiền tông và chỉ ý của Giáo tông ra sao?”.

Trang 76 (Tiểu truyện thiền sư Viên Chiếu)

Nguyên văn:

*“Vô tật thị chúng vân: “Ngã thử thân trung cốt tiết cân mạch, tứ đại điều hợp, sở hữu vô thường, thí như ốc vũ hoại thời, lương lữ câu lạc. **Dữ nhữ trân trọng! Thính ngô kế vận...**”.*

Bản NĐT dịch:

*“... Sư không bệnh cho gọi đệ tử đến bảo rằng: “Thân mình ta đây, xương thịt gân cốt đều do bốn đại hợp thành, tất không thể thường tồn được, cũng như khi nhà đã hư hỏng thì rui mè đều rơi rụng. **Các người hãy trân trọng lời kệ của ta đây...**”.*

Dịch như vậy là chầm câu chưa chính xác và không để ý đặc nghĩa của từ **trân trọng** (珍重). Trong ngữ cảnh ở đoạn trên, **trân trọng** là một thuật ngữ thiền mà các trước tác Thiền tông thường dùng với ý nghĩa **“chia tay”**, tức **lời các thiền sư cáo biệt các môn đồ khi qua đời**.

Vậy đoạn trên được chầm câu như sau: *“... Thí như ốc vũ hoại thời lương lữ câu lạc. **Dữ nhữ trân trọng! Thính ngô kế vận...**”*, và nên dịch là: *“... Giống như khi nhà cửa mục nát thì rui mè đều rơi rụng. **Nay xin cáo biệt các ông!** Hãy nghe lời kệ của ta đây...”*.

Chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn ngữ lục trong Thiền tông để độc giả thấy rõ thêm nghĩa **từ biệt, cáo biệt, già biệt** của từ **trân trọng** (珍重):

- (Đạo Nhân thiền sư) lâm thiên hóa, thượng đường tập chúng. Lương cứu triển tả thủ. Chủ sự vãng trắc, nãi lệnh đông biên sư tăng thoái hậu. Hựu triển hữu thủ, hựu lệnh tây biên sư tăng thoái hậu. Sư vị chúng viết: “Dục báo Phật ân, vô quá lưu thông đại giáo. Quy khứ dã! **Trân trọng!** Ngôn cật hoan nhĩ nhi tịch”, nghĩa là: “Lúc sắp qua đời, thiền sư Đạo Nhân thượng đường tập họp đồ chúng. Sau một lúc im lặng ngài dang cánh tay trái ra, vị chủ sự tăng không hiểu ý thầy nên ra lệnh cho các tăng nhân đứng bên mé đông lui ra. Sư lại dang cánh tay phải ra, chủ sự tăng lại ra lệnh cho các tăng nhân đứng bên mé tây lui ra. Sư nói với đồ chúng rằng: “Muốn báo đáp ơn Phật không gì bằng kế thừa và mở rộng đại giác. Ta quay về đây! **Xin cáo biệt nhé!**” Nói xong mỉm cười qua đời. (Cảnh Đức truyền đăng lục, q. 17) (Chú: Dang hai tay ý nói nay buông bỏ hết!).

- (Nghĩa Thanh thiên sư) thị tịch, thị kệ viết:

“Lưỡng xứ trụ trì
Vô khả trợ đạo
Trân trọng chư nhân
Bất đắc tâm thảo”
Đầu bút yêm tức!

Nghĩa là:

Thiên sư Nghĩa Thanh sắp qua đời, thị kệ rằng:

“Trụ trì hai nơi
Không trợ nổi đạo
Từ biệt các người
Xin chớ tâm thảo”

Ném bút thị tịch. (Ngũ đăng hội nguyên, q. 14)

Qua hai trích dẫn trên hẳn quý độc giả thấy dịch: “Các người hãy **trân trọng** lời kệ của ta đây”, như Bản NĐT là có phần nhầm lẫn, vì dịch như thế đã biến ý cáo biệt môn đồ của thiên sư thành lời thiên sư dặn dò môn đồ hãy **coi trọng** bài kệ của mình!

Ở một số trước tác thiên lâm có khi tác giả dùng thẳng từ **cáo biệt** như ở tiểu truyện thiên sư Định Không trong TUTA, nguyên văn viết: “Ngô một hậu, nhữ thiện trì kỳ pháp, Định nhân tức truyền, tắc ngô chỉ nguyện tất hĩ! Ngôn cật **cáo biệt nhi chung**”, nghĩa là: “Sau khi ta qua đời người hãy khéo giữ gìn đạo pháp này, hễ gặp người họ Định thì truyền lại, tức nguyện ước của ta đã vện. Nói xong **cáo biệt** qua đời”.

Ở ngữ cảnh khác, từ **trân trọng** có nghĩa nhẹ hơn, tức lời chào tạm biệt của thiên sư với môn đồ khi chấm dứt buổi thuyết pháp, hoặc có nghĩa tương đương như **cáo từ**. Chúng tôi xin trích dịch một số ngữ lục để chứng minh:

- Thượng đường: “Trừ liễu nhật minh dạ ám, cánh thuyết thậm ma khước đắc? **Trân trọng!**”, nghĩa là (thiên sư Tự Mãn) thượng đường nói: “Trừ chuyện bình thường như ngày sáng đêm tối, thì nên nói chuyện gì mới được đây? **Xin tạm biệt** nhé (hãy **bảo trọng**)!” (Ngũ đăng hội nguyên, q. 3).

- (Sư viết): “Tác ma sanh?”, tăng **trân trọng**. Sư đã chi, sấn hạ pháp đường. Nghĩa là (thiên sư Bảo Ứng) hỏi: “Thế là thế nào?”, vị tăng **cáo từ**. Sư đánh và đuổi ra pháp đường. (Cảnh Đức truyền đăng lục, q. 6).

- Sư vấn: “Tử hựu tác ma sanh?”, Ngưỡng Sơn diệc **trân trọng** xuất khứ. Sư ha ha đại tiếu vân: “Như thủy nhữ hợp”, nghĩa là (thiên sư Quy Sơn) hỏi: “Còn ông thì thế nào?”, Ngưỡng Sơn cũng **nói lời cáo biệt** lui ra. Quy Sơn cười ha hả nói: “Như nước và sữa hòa nhau!” (Linh Hựu ngữ lục).

- Sư nãi khởi thân lập vân: “Hoàn hữu nhân mãi ma? Nhược hữu nhân mãi khước xuất lai, nhược vô nhân mãi, tức tiện hóa tự thu. Cừ lập, **trân trọng!**”, nghĩa là (thiên sư Ngạn Câu) bèn đứng dậy nói: “Còn có ai mua không? Nếu có ai mua thì xin bước ra, nếu không ai mua thì hàng xấu này xin tự thu về vậy. Các vị đứng nghe đã lâu rồi, **xin tạm biệt!**” (Cảnh Đức truyền đăng lục).

Trang 78
(Tiểu truyện thiền sư Cứu Chỉ)

Nguyên văn:

“Cư *phủ* tam niên (居甫三年)”

Bản NĐT dịch là:

“Sư trụ trì chùa Diên Linh chỉ được *hơn* ba năm”.

Trong Hán văn, chữ **phủ** (甫) có nghĩa là mới vừa. Vậy “cư **phủ** tam niên” là “ở **vừa được ba năm**”, chứ không phải hơn ba năm. Đây chỉ là chi tiết nhỏ nhưng vì muốn cho bản dịch được chính xác nên chúng tôi tiện góp ý luôn thôi.

Trang 78
(Tiểu truyện thiền sư Cứu Chỉ)

Nguyên văn:

“Lý Thái Tông Hoàng đế, *lụy* triệu bất tự. Phàm tam hạnh kỳ tự dĩ ury vấn diên”.

Bản NĐT dịch bỏ sót nhiều chi tiết như sau: “*Vua Lý Thái Tông đến chùa thăm hỏi*”.

Đoạn trên nếu dịch đầy đủ là: “Hoàng đế Lý Thái Tông **bao phen triệu thỉnh không thành, nên phải ba lần giá lâm chùa ấy để thăm nom an ủi sư**”. Cho nên nếu dịch thiếu sẽ không lột tả hết **thành ý** của vua đối với sư! (Tuy nhiên chúng tôi vẫn ngờ do bản in sắp thiếu một đoạn).

Trang 81
(Tiểu truyện hai thiền sư Bảo Tính và Minh Tâm)

Nguyên văn:

“Tính Nghiêm thị, Tâm Phạm thị. *Tảo tuế cộng ấu, xuất gia chi đồng chí hữu*”.

Bản NĐT dịch:

“Bảo Tính họ Nghiêm, Minh Tâm họ Phạm, *cùng một tuổi, xuất gia làm bạn với nhau từ nhỏ*”.

Dịch như vậy là làm loãng ý tác giả nhiều lắm. Trong nguyên văn không có chi tiết nào nói hai ông **cùng một tuổi** cả, cũng không có chi tiết nào nói hai ông “**xuất gia làm bạn với nhau từ nhỏ**” mà ý của nguyên văn là: “**Thuở nhỏ hai ông cùng trải qua thời thơ ấu bên nhau** (tức là bạn ấu thời với nhau), **khi xuất gia** (không nói rõ từ lúc nào) **lại làm bạn đồng chí hướng tu hành với nhau** (tức bạn đồng tu)”.

Trang 81
(Tiểu truyện hai thiền sư Bảo Tính và Minh Tâm)

Nguyên văn:

“... nhiếp lưu thê tương vị viết: ‘Bồ tát nhân địa luy kiếp huân tu, ư Đại thừa tâm, do năng phát đại dũng mãnh tinh tấn, bất tích thân mệnh, hướng ngã đẳng bối, ư mật pháp trung, **sơ phát tâm nhân, nhược bất như thị chi thành...’.**

Bản NĐT dịch: “(Hai sư) đều rơi nước mắt mà bảo nhau: ‘Các vị Bồ tát dốc lòng tu hành trong bao nhiêu kiếp mà đối với tâm Đại thừa vẫn còn phải phấn phát mạnh mẽ để tinh tấn, không tiếc thân mạng. Huống chi bọn ta sống ở thời mạt pháp, nếu không có lòng chí thành...’”.

Dịch như vậy là đã bỏ mất một chi tiết rất quan trọng là “**sơ phát (tâm) nhân**” nghĩa là **kẻ vừa mới phát tâm tu hành**. Quan trọng vì trong đoạn này Minh Tâm và Bảo Tính đưa ra hai hoàn cảnh đối lập để bảo ban nhau. Đó là “Các vị Bồ tát thời **nhân địa**, công khổ tu hành trong bao nhiêu kiếp, vậy mà đối với tâm Đại thừa còn phải dũng mãnh tinh tấn không tiếc thân mạng, trong khi chúng ta đã sống ở thời mạt pháp, **lại mới vừa phát tâm tu hành**, nếu không hết sức chí thành thì...”. Chi tiết “mới phát tâm tu hành” đối ý với “nhiều kiếp khổ tu” mà Bản NĐT sơ ý dịch sót làm yếu đi giá trị văn học đoạn văn trên.

Trang 82

(Tiểu truyện hai thiền sư Bảo Tính và Minh Tâm)

Nguyên văn:

“*Di Thiên Thành thất niên, tứ nguyệt, nhị sư tương **phân** (焚) thân* (bản khắc Vĩnh Thịnh 1715 khắc lầm là **phần** (樊) thân, nghĩa là **nhốt mình trong lồng**, không thích hợp với ngữ cảnh đoạn trên, chúng tôi mạn phép sửa lại là **phân thân** tức **thiêu thân**), *đắc thỉnh vu triều, **toại** kiến giảng kinh hội, đồng nhập hỏa quang tam muội. Kỳ dư hài, di cốt, câu thành thất bảo. Hữu chiếu lưu Trường Thánh tự cúng dường. Lý Thái Tông dĩ kỳ linh dị, cải nguyên **Thông Thụy tự tháp**”.*

Bản NĐT dịch: “Ngày tháng tư năm Thiên Thành thứ 7 (1034) hai sư định tự thiêu. Vua Lý Thái Tông **biết tin sai sứ thỉnh về kinh**. Hai sư bèn mở hội giảng kinh rồi cùng vào trong lửa hỏa quang tam muội, di cốt kết thành thất bảo, vua xuống chiếu đem thất bảo ấy giữ ở chùa Trường Thánh để cúng dường. Lý Thái Tông cho là việc **kinh dị, đổi niên hiệu là Thông Thụy (1034) sai dựng tháp cúng dường**”.

Dịch như vậy có nhầm lẫn mấy chỗ. Ý của toàn mạch văn đoạn trên là: “Tháng 4 niên hiệu Thiên Thành thứ 7, hai sư định tự thiêu. **Sau khi thỉnh cầu và được triều đình chấp thuận**, hai ngài **bèn** mở hội giảng kinh rồi sau đó cùng vào hỏa quang tam muội. Hài cốt còn lại đều biến thành thất bảo. Triều đình ra chiếu chỉ đem xá lợi hai ngài thờ ở chùa Trường Thánh, vua Lý Thái Tông nhân chuyện linh dị đó mới đổi niên hiệu là Thông Thụy (có nghĩa chan hòa điềm tốt)”.

Câu “đắc thỉnh vu triều” mà dịch: “Vua Lý Thái Tông biết tin sai sứ thỉnh về kinh” là nhầm lẫn, có lẽ dịch giả quên là trong thời kỳ quân chủ Phật giáo hưng thịnh như đời Lý nước ta thì triều đình đặt ra chức **tăng quan** để giám sát mọi hành động của các chùa chiền trong nước. Do đó, tuy tự thiêu để cúng dường Phật pháp là một hạnh nguyện lớn được mọi người kính phục, nhưng

nhân mạng là trọng, nên trừ phi tự động thiêu mình riêng lẻ nơi vắng vẻ không ai biết thì thôi, còn muốn lập giàn hỏa quang tam muội, mở hội giảng kinh, tụ tập đồ chúng cùng Phật tử thuyết pháp long trọng rồi nhập giàn thì phải xin phép với triều đình. Dịch giả không để ý chữ **toại** 遂 (là **bền**) tác giả sử dụng trong đoạn trên thật là đặc thể vì nó xác định sau khi được triều đình chấp thuận hai sư bền mở hội giảng kinh sau đó nhập giàn hỏa. Cần nói thêm là ở văn phong *TUTA*, tác giả không bao giờ dùng chữ **thỉnh** (請) để diễn đạt ý vua mời các thiền sư về triều mà luôn dùng hầu như nhất quán chữ **triệu** (召) ở các truyện:

- Khuông Việt đại sư: “... *Danh trấn vu triều, Đình Tiên hoàng đế triệu đối*”, nghĩa là: “... Danh tiếng sư vang dội tới triều đình, vua Đình Tiên Hoàng triệu sư về kinh hỏi việc”.

- Thiền sư Đa Bảo: “*Cập đế tức vị, lỵ triệu sư phó khuyết*”, nghĩa là: “Đến khi vua lên ngôi, nhiều lần triệu sư về triều đình”.

- Thiền sư Giác Hải: “*Đãi Thân Tông triều lỵ triệu*”, nghĩa là: “Đến triều Thân Tông, vua nhiều lần triệu sư về kinh”.

- Thiền sư Ma Ha: “*Lê Đại Hành hoàng đế tam triệu chí khuyết*”, nghĩa là: “Vua Lê Đại Hành ba lần triệu sư về triều đình”.

- Thiền sư Sùng Phạm: “*Lê Đại Hành hoàng đế lỵ triệu phó khuyết*”, nghĩa là: “Vua Lê Đại Hành nhiều lần triệu sư về triều đình”.

- Thiền sư Thiền Nham: “*Thiên Thuận gian hạn, triệu sư nghệ khuyết*”, nghĩa là: “Khoảng niên hiệu Thiên Thuận bị hạn hán, vua triệu sư về triều đình”.

- Thiền sư Khánh Hỷ: “*Thiên Chương Bảo Tự triệu khuyết*”, nghĩa là: “Niên hiệu Thiên Chương Bảo Tự, vua triệu sư về sân rồng”.

- Quốc sư Viên Thông: “*Đại Thuận tam niên, Lý Thần Tông triệu nhập Sùng Khai điện*”, nghĩa là: “Niên hiệu Đại Thuận thứ 3, vua Lý Thần Tông triệu sư vào điện Sùng Khai”.

Hoặc chữ **trưng** (徵) ở các truyện:

- Thiền sư Giới Không: “*Lý Thần Tông trưng chi, lỵ từ nãi tỵ*”, nghĩa là: “Được vua Lý Thần Tông vời về triều, sư từ chối mấy phen rồi mới đến”.

- Thiền sư Trí Thiên: “*Anh-Cao lưỡng triều, lỵ trưng bất khởi*”, nghĩa là: “Hai triều vua Anh Tông và Cao Tông đều mấy phen vời gọi nhưng sư không đi”.

Ngoài ra, chuyện hai thiền sư Minh Tâm và Bảo Tính thiêu thân cúng dường Phật pháp các cuốn sách lịch sử của ta ghi rất rõ, nhưng **không thấy sách nào chép chuyện hai sư được vua mời về kinh để thiêu thân cả**. Như *An Nam chí nguyên* 5, tờ 211 viết: “*Hai thiền sư Bảo Tính và Minh Tâm là sư huyện Đông Ngạn, đứng đầu chốn tùng lâm, có lần dựng hội giảng kinh, cùng vào hỏa quang tam muội, xương cốt đều hóa thành thất bảo*”. Hoặc *Toàn thư* (B2 tờ 22a 4-6) và *Cương mục chính biên* (tờ 38b 6-39a1) viết: “*Tháng 4 niên hiệu Thiên Thành thứ 7 (1034) cải nguyên thành Thông Thụy năm thứ nhất vì bấy giờ có hai nhà sư Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm thiêu thân mình tự*

thành bảy báu. Vua xuống chiếu đem bảy báu đó giữ lại ở chùa Trường Thánh để cúng dường hương khói, vua cho đó là điềm lành nên cải nguyên Thông Thụy”.

Trang 83 (Tiểu truyện thiền sư Quảng Trí)

Nguyên văn:

“(Su) đạo tháo băng khiết, bất sự **tiên mỹ** (不事鮮靡)”

Bản NĐT dịch: “Ông là người có tiết tháo thanh cao, không để ý đến **những điều nhỏ mọn**...”. Chúng tôi thật không biết được tại sao Bản NĐT lại dịch “bất sự **tiên mỹ**” là “không để ý đến **những điều nhỏ mọn**”, vì **tiên** (鮮) là thức ăn **tươi ngon**, còn **mỹ** (靡) là quần áo **lộng lẫy**. Vậy **bất sự tiên mỹ** là **không bận bịu việc ăn ngon mặc đẹp**, tức sống đời đạm bạc chứ không có chi tiết nào trong nguyên văn có thể hiểu là **những điều nhỏ mọn** được! Hoặc giả người dịch muốn dịch thoát ý chăng?

Trang 83 (Tiểu truyện thiền sư Quảng Trí)

Nguyên văn:

“Hậu ư tư sơn trắc tích, thường quải nạp y, nhị tông thực, dữ sơn tăng Minh Huệ **vi phương ngoại khế** (為方外契)”.

Bản NĐT dịch: “Về sau sư trụ trì ở núi Không Lộ, mặc áo vá, ăn hạt, **kết bạn** với sơn tăng Minh Huệ”.

Cụm từ **vi phương ngoại khế** (為方外契) mà chỉ dịch suông là **kết bạn** thì chưa hết ý, vì chữ **phương ngoại** (方外) là một thuật ngữ thiền, chỉ **nơi ngoài cõi thế tục**, tức nơi non cao rừng thẳm xa hẻo lánh chốn thị tứ phồn hoa. Từ này cũng đồng nghĩa với chữ **thế ngoại** (世外), **vật ngoại** (物外). Vậy đoạn trên nên dịch là: “Sau sư về trụ ở núi Không Lộ này, thường mặc áo vá, ăn hạt tòng, **kết bạn thoát tục** với sơn tăng Minh Huệ”.

Chúng tôi xin trích dẫn một vài ngữ lục Thiền tông Hoa Việt để thuyết minh nghĩa từ **phương ngoại** (方外):

- Trong bài “Phóng cuồng ngâm” ở sách *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*:

“Thiên địa diều vọng hề hà mang mang

Trượng sách ưu du hề **phương ngoại** phương”

Tạm dịch:

Trời đất thoáng trông chừ sao mênh mang

Chống gậy rong chơi chừ **ngoài cõi thế**

Trong *Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 4:

“Vu Bách Trượng hạ đắc chỉ, hậu văn Thiên Thai thắng khái, Thánh hiền gian xuất, tứ dục cao đạt **phương ngoại**, viễn truy hà trục”, nghĩa là: “(Sư Phổ An) đắc pháp tại đạo tràng của Bách Trượng Hoài Hải. Về sau nghe cảnh tượng núi Thiên Thai đẹp đẽ, Thánh hiền thường hiện ra nơi đó, bèn có ý muốn dẫm chân **cõi xa ngoài thế tục**, để tìm dấu vết Thánh hiền thuở trước”.

Trang 85
(Tiểu truyện vua Lý Thái Tông)

Nguyên văn:

*“Thời Lý Thái Tông hoàng đế thường ư Thiên Phúc Thiền Lão tham vấn thiền chỉ. **Châm chùy tại hạ**, nã cái thông phong. **Vạn ky chi dư**, thiên duyệt vi lạc”.*

Bản NĐT dịch: “Nhà vua thường đến tham vấn những điều chỉ yếu của đạo thiền với thiền sư Thiên Lão ở núi Thiên Phúc. Những lời chỉ giáo của thiền sư **như mũi kim, mũi dùi vừa châm vào**, vua liền thấy trí não thông sáng. **Chỉ trong vòng mấy năm**, vua trở thành người ham thích đạo thiền”.

Dịch như trên vừa thiếu sót, vừa sai từ lý đời mà cũng nhầm thuật ngữ đạo. Trước hết xin nói về thiếu sót. Nguyên văn viết: “Thời Lý Thái Tông hoàng đế thường ư Thiên Phúc Thiền Lão tham vấn thiền chỉ” mà Bản NĐT chỉ dịch tắt: “**Nhà vua thường đến tham vấn...**”, bỏ hẳn chi tiết “**Lý Thái Tông hoàng đế**”. Đành rằng qua tựa đề “**Vua Thái Tông**” ghi trên đầu tiểu truyện, ai cũng biết “*nhà vua*” đây tức hoàng đế Lý Thái Tông, nhưng dịch **phốt** như vậy không nên!

Thứ đến nói về nhầm lẫn thuật ngữ đạo. Từ **châm chùy** (針錐), hay nói đủ là **đính môn thượng nhất chùy** (頂門上一錐) nghĩa đen là lấy cây kim, cây dùi nhọn đâm vào đầu vào trán, ám chỉ thủ thuật của thiền sư khám nghiệm học nhân hay đối phương xem họ có trình độ lĩnh ngộ thiền chỉ tới đâu. Chúng tôi xin trích dẫn một ngữ lục để thuyết minh ý nghĩa của chữ **châm chùy** nêu trên:

Thiền sư Hy Vận nói: “Thuở lão tăng ta còn đi hành cước, thắng hoặc gặp một người tại chốn cỏ rậm thì phải lấy dùi nhọn đâm vào trán hấn, nếu thấy hấn có cảm biết đau ngứa (ý nói khám nghiệm nếu thấy hấn có trình độ lĩnh hội đạo pháp) thì mới đội bao tải gạo đến cúng dường cho hấn” (*Lão hán hành cước thời, hoặc ngộ thảo căn hạ nhất cá hấn, tiện đính môn thượng nhất chùy, khán tha nhược tri thống dưỡng, khả dĩ bố đại tạnh mẽ cúng dường tha* - *Ngũ đẳng hội nguyên*, q. 4).

Sau hết là nhầm lẫn từ lý đời thường. Từ **vạn ky** hoặc vạn cơ (萬機) cũng viết (萬幾) nguyên có nghĩa là muôn việc vật vãn (*Từ nguyên*: “(Thư) nhất nhật, nhị nhật vạn ky”, ý nói đấng quân vương trị nước phải biết lưu tâm đề chừng những chỗ vụn vặt của mọi chuyện trong đời). Về sau gọi muôn việc mà đấng thiên tử phải liệu lý là vạn ky (萬幾) đồng nghĩa với (萬機).

Trong ngữ cảnh của câu **vạn ky chi dư** (萬機之餘) từ **vạn ky** có nghĩa là **công việc triều chính bề bộn của nhà vua**. Vậy **vạn ky chi dư** có nghĩa là **ngoài công việc triều chính bề bộn ra** hay **khi rỗi rãi công việc triều chính bề bộn**. Dịch “*chỉ trong vòng mấy năm*” là quá xa nguyên văn.

Vậy toàn bộ đoạn trên nên dịch là:

“Lúc bấy giờ, hoàng đế Lý Thái Tông thường đến núi Thiên Phúc tham vấn những điều cương yếu của đạo với thiền sư Thiên Lão. Thiền cơ vừa nêu

ra là đầu óc nhà vua thông suốt nắm bắt ngay. Từ đó những khi nhàn rỗi công việc triều chính bề bộn, nhà vua **chỉ lấy thú thiền làm vui**”.

Cụm từ **vạn cơ chi dư** còn được dùng khác đi là **vạn cơ chi hạ** (萬機之暇) thấy chép ở quyển 5, sách *Cảnh Đức truyện đăng lục* (Đại 51-235 hạ): *Trung Tông Thần Long nguyên niên giáng chiếu vãn: “Trầm thỉnh An, Tú nhị sư cung trung cúng dường, vạn cơ chi hạ, mỗi cứu Nhất thừa”,* nghĩa là: Năm Thần Long nguyên niên, vua Đường Trung Tông xuống chiếu: “Trầm với hai vị thiền sư An và Tú vào cung cúng dường để **khi rảnh rỗi việc triều chính**, nghiên cứu pháp Nhất thừa”.

Trang 86 (Tiểu truyện quốc sư Thông Biện)

Nguyên văn:

*“Thông Biện quốc sư, Đan Phụng nhân dã, tính Ngô thị, Thích lưu tử dã. Tính thông tuệ **vưu minh tam học** (尤明三學)”.*

Bản NĐT dịch:

*“Quốc sư người hương Đan Phụng, họ Ngô, vốn dòng dõi Phật tử, bản tính thông tuệ, **học thông tam giáo**”.*

Dịch như vậy chứng tỏ người dịch chỉ biết Hán học, còn thuật ngữ Phật học thì hình như có phần hạn chế. Thật ra từ **tam học** (三學) không phải chỉ có các tự điển Phật học mới chú giải mà cả tự điển đời thường như *Từ nguyên* chẳng hạn cũng đều giải thích rõ ràng.

Tam học tiếng Sanskrit là *tisrah śikṣāḥ*, tiếng Pali là *tisso sikkhā*, là ba môn giới định tuệ mà người học Phật nào cũng lo phải tu tập. **Tam học** (三學) gọi đủ là **giới định tuệ tam học**. **Tam học** cũng còn được gọi khác đi là **Tam thắng học** (三勝學), **Tam vô lậu học** (三無漏學). Đứng về mặt tam tạng kinh điển mà nói thì **giới học** thuộc luật, **định học** thuộc kinh, **tuệ học** thuộc luận. Còn **tam giáo** là **Nho giáo**, **Đạo giáo** và **Phật giáo**; hay còn gọi cách khác là **Khổng giáo**, **Lão giáo** và **Thích giáo**. Hai từ có nghĩa khác xa không thể lẫn lộn được.

Từ **tam học** này không những người dịch sơ ý dịch nhầm ở tiểu truyện quốc sư Thông Biện mà còn dịch sai ở cả một số tiểu truyện của các thiền sư khác trong *TUTA* như:

- Tiểu truyện thiền sư Hiện Quang, trang 159

*Nguyên văn: “(Sư) niên phủ thập nhất, Lục Tổ Thường Chiếu kiến nhi phủ chi, độ vi đệ tử. Học vấn thông mại, nhật tụng vạn ngôn. Bất mãn thập niên, cai đồng **tam học**”,* nghĩa là: “Năm sư vừa mười một tuổi, thiền sư Thường Chiếu ở chùa Lục Tổ trông thấy đem về nuôi, độ cho tu học làm đệ tử người. Từ đó, sư thông hiểu học vấn sâu xa, mỗi ngày tụng muôn lời, nên chưa đầy mười năm mà đã thông suốt cả giới định tuệ (hoặc kinh luật luận)”. Bản NĐT lại dịch nhầm: *“Năm mười một tuổi được thiền sư Thường Chiếu ở chùa Lục Tổ nhận nuôi làm đệ tử. Sư học tập thông minh tấn tới, mỗi ngày tụng đọc cả vạn câu. Chưa đầy mười năm thông giỏi cả **tam giáo**”.*

- Tiểu truyện thiền sư Vạn Hạnh, trang 188

Nguyên văn: “*Gia thế phụng Phật, sư ấu tuế siêu dị, cai quán **tam học***”, nghĩa là: “Gia tộc sư nhiều đời thờ phụng Phật. Riêng sư hồi còn bé thông minh dị thường, thông suốt kinh luật luận (hoặc giới định tuệ)”. Bản NĐT cũng dịch nhầm là: “*Gia đình đã mấy đời thờ Phật. Thuở nhỏ thông minh khác thường, học thông **ba giáo**, đọc kỹ trăm nhà*”.

Từ **tam giáo** (三教) với nghĩa **Nho-Lão-Phật** cũng được sử dụng trong TUTA như ở tiểu truyện quốc sư Viên Thông, nguyên văn viết: “*Hội Phong lục niên trung, **tam giáo** thí, trúng giáp khoa*”, nghĩa là: “Niên hiệu Hội Phong thứ 6, sư đỗ đầu khoa thi **tam giáo**”.

Hoặc thấy chép thật rõ nét trong quyển 28 sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-441 trung): *Hựu vấn: “Nho, Đạo, Thích **tam giáo** đồng dị như hà”, sư viết: “Đại lượng giả dụng chỉ tức đồng, tiểu cơ giả chấp chỉ tức dị”*. Nghĩa là: Lại hỏi: “Tam giáo Nho-Đạo-Thích giống và khác nhau thế nào?”, thiền sư Tuệ Hải đáp: “Kể khí lượng rộng rãi sử dụng thì cả ba giống nhau, kể căn cơ nhỏ hẹp thì cả ba khác nhau”.

Trang 86

(Tiểu truyện quốc sư Thông Biện)

Nguyên văn:

“*Nãi ư Thăng kinh quốc tự **quải đáp**, tự hiệu Trí Không*”.

Bản NĐT dịch: “*Sau đó có chiếu chỉ triệu về kinh đô Thăng Long trụ trì chùa Khai Quốc*”.

Trong nguyên văn không có chi tiết nào nói đến chuyện có chiếu chỉ triệu sư về kinh đô Thăng Long trụ trì chùa Khai Quốc cả. Do người dịch không để ý thuật ngữ thiền **quải đáp** (掛塔) nên có phần lúng túng ở câu này rồi nhân thấy chữ “*Thăng kinh quốc tự*” tức chùa chánh ở kinh đô nên nghĩ là sư được **chiếu chỉ** về trụ trì chùa Khai Quốc. Thật ra chữ **tháp** (塔) trong trước tác thiền lâm dùng nó để tá âm cho chữ **đáp** (搭) nên phải đọc là **đáp** và có nghĩa là **cái áo ngắn của nhà sư** hay **cái bị đựng y phục của hành cước tăng**. Nguyên ban đầu từ **quải đáp** (掛塔) chỉ có nghĩa các nhà sư hành cước du phương khi đến chùa nào tạm dừng chân thì trước hết phải treo cái bị đựng quần áo của mình lên cái móc trên vách tăng đường. Về sau diễn dịch thêm từ **hứa quải đáp** (許掛塔) để chỉ hòa thượng trụ trì tự viện đồng ý thu nạp, cho tăng nhân hành cước y trụ (lưu ngụ) lại chùa mình.

Sách *Bách Trượng thanh quy*, tức quyển sách ghi chép quy định sinh hoạt của các tự viện Thiền tông, ở quyển 8 (Đại 48-1158 hạ) ghi: “*Bất kể học chúng chùa mình đông hay ít, tự viện đều phải an bài cho họ các đạo cụ cần thiết như sập dài để nằm nghỉ tập thể (trường liên sàng), móc treo làm giá cho bị quần áo (Thị di giá quải đáp 施施架掛塔)*”. Về sau nữa từ **quải đáp** (掛塔) có nghĩa thiền sư hay tăng nhân dừng chân y trụ lại tự viện nào đó, chứ **không nhất thiết phải làm trụ trì**.

Vậy câu “*Nãi ư Thăng kinh quốc tự **quải đáp**, tự hiệu Trí Không*” có nghĩa là: “Sư bèn trụ lại chùa Khai Quốc ở kinh đô Thăng Long và tự xưng

hiệu là Trí Không” (Có thể về sau sư được tôn làm trụ trì rồi thăng chức quốc sư, nhưng ở thời điểm mà đoạn văn trên đề cập thì sư chỉ y trụ lại mà thôi!).

Từ **quải đáp** (掛塔) này cũng còn được gọi là **quải đơn** (掛單), **quải đáp đơn** (掛搭單), **quải tích** (掛錫), **quải đáp** (掛搭), **quải bát** (掛鉢).

Trang 87 (Tiểu truyện quốc sư Thông Biện)

Nguyên văn:

(Phù Thánh Cảm Linh Nhân Hoàng thái hậu) vấn: “Phật Tổ chi nghĩa hữu hà ưu tiêm... Nhi niệm Phật danh, đạt Tổ tâm giả, **vị tri hà giả thị chỉ?** (未知何者是旨)”.

Bản NĐT dịch: “Phật và Tổ nghĩa thế nào? Ai hơn ai kém?... Mà người niệm tên Phật, đạt tâm ấn của Tổ **chưa rõ là những ai?**”.

Dịch như vậy là không để ý câu hỏi của Hoàng thái hậu Phù Thánh Cảm Linh: “Phật Tổ chi nghĩa hữu hà ưu tiêm”, tức “Ý nghĩa của Phật và Tổ, có gì hơn kém nhau?”, từ đó mới dẫn đến chuyện Thái hậu thắc mắc, so sánh **kẻ niệm tên Phật** (tức **người tu theo Giáo tông** mà tiêu biểu là **Tịnh độ tông**) và **người đạt được tâm ấn của Tổ** (tức **người tu theo Thiền tông**) thì ai mới là **người đạt được yếu chỉ Phật môn**.

Và để trả lời câu hỏi hóc búa này, quốc sư Thông Biện đã giải đáp một cách dung hòa ở đoạn kế đó như sau: “**Giáo ý** được truyền đến Thiên Thai tông là thịnh nhất và gọi là **Giáo tông**, còn Tổ ý tức thiên chỉ thì đến phái Tào Khê của Lục Tổ Huệ Năng là sáng chói nhất và gọi là **Thiền tông**” (*Truyền kỳ giáo đã chí Thiên Thai vì thanh, vị chi **Giáo tông**. Đắc kỳ chỉ chí Tào Khê vì minh, vị chi **Thiền tông***).

Ngài Thông Biện đã khéo léo tránh trả lời thẳng ai hơn ai kém ai, vì theo lời ngài thì “Phật (**Giáo tông**) và Tổ (**Thiền tông**) vốn chỉ là một, nhưng bị bọn học giả càn rỡ phân biệt thành hơn kém (Phật Tổ nhất đã, cái lạm học giả lưu, yếu tự xưng ưu tiêm nhĩ)”.

Xưa nay **Tổ ý** và **Giáo ý**, **Thiền tông** và **Giáo tông** (tức chư tông ngoài Thiền tông) là một vấn đề gây lăm tranh cãi và đồ đệ hai tông này đời nọ sang đời kia đã kích bác nhau nặng nề. Để giúp độc giả thấy rõ quan điểm thật đúng đắn “**Phật Tổ nhất đã**” của quốc sư Thông Biện, chúng tôi xin trích dẫn một vài ngữ lục có liên quan đến Tổ ý và Giáo ý để chứng minh:

- Thiền sư Nguyên Lai đời Thanh nói: “Do chuyện đức Thích Ca Mâu Ni đại sư ngồi tại đạo tràng 49 năm, rốt lại để nâng hoa khai thị đồ chúng, nên mới có ý chỉ ‘**giáo ngoại biệt truyền**’. Quả thật có chuyện truyền thụ ngoài **kinh giáo chẳng?** ‘**Thiền chỉ**’ là giềng mối của ‘**giáo nghĩa**’, còn ‘**giáo nghĩa**’ là những mắc lưới của ‘**thiền chỉ**’. Căng dây giềng lên thì các mắc lưới bung ra. Nhưng nếu chỉ biết đến các mắc lưới nhỏ mà không hiểu rành giềng mối tổng quát, là không lĩnh hội chỉ ý đạo lý hợp nhất của Thiền tông, Giáo tông. Thế thì là tại đường rẽ lại gặp đường rẽ đầy dẫy. Nếu chịu khó tại đám đường rẽ rồi mù mà dò tìm lại **giềng mối chánh thì trong giáo nghĩa đều**

có thiên chỉ. Nếu nhận thức được **thiên chỉ** với ý nghĩa đó thì mỗi lời, mỗi chữ, đều là **thiên cơ tối diệu**. Nếu không nhận thức được **thiên chỉ như thế**, mà chỉ câu nệ vào văn tự thì **‘thiên chỉ’ kia cũng chỉ là ‘giáo nghĩa’ mà thôi!**” (Dịch từ Nguyên lai quảng lục, q. 21).

- Vấn: “Tổ ý, Giáo ý, thị đồng thị biệt?”, sư vân: “Nham cao tùng lãnh kiện, Giản khúc thủy lưu trì”. Nghĩa là: Hỏi: “Thiên chỉ và Giáo nghĩa giống nhau hay khác nhau?”, thiên sư Thiện Chiếu nói: “Trên đầu non cao, giống tùng chịu lạnh càng mạnh mẽ; dưới lòng khe uốn khúc, nước chảy lừ đừ” (Phần dương ngữ lục, quyển thượng).

Gợi ý: Tùy theo bản chất, căn cơ chúng sanh mà ứng dụng Thiên chỉ hay Giáo nghĩa.

- Sư trụ hậu, tăng vấn: “Tổ ý, Giáo ý thị đồng, thị biệt?”. Sư viết: “Kê hàn thượng thọ, Áp hàn nhập thủy”. Nghĩa là, sau khi (thiền sư Hạo Giám) trụ trì tự viện, có tăng nhân hỏi: “Thiên chỉ và Giáo nghĩa giống hay khác nhau?”. Sư đáp: “Gà gặp trời lạnh nhảy lên cao, vịt gặp trời lạnh lội xuống nước” (Cảnh Đức truyền đăng lục, q. 22).

Gợi ý: Gặp trời lạnh gà nhảy lên cây mà vịt thì lại lội xuống nước. Tuy phương cách có khác nhau, nhưng mục đích vẫn là một: **tránh lạnh**. Tổ ý và Giáo ý cũng vậy, tuy phương tiện khác nhau, nhưng mục đích chỉ là một: **cứu độ chúng sanh giải thoát luân hồi phiền não!**

Trang 95 (Tiểu truyện thiền sư Ngô Ấn)

Nguyên văn:

Sơ vị giá thời, gia tại mộ lâm chi trắc, kiến đặc túc điều giả, **tận nhiên** (尽然) vị viết: “Ninh thụ tử vi thiện, bất thụ sinh vi ác”.

Bản NĐT dịch là: (Mẹ họ Cù) khi chưa lấy chồng, nhà ở cạnh nghĩa địa gần khu rừng, **thấy người ta đặt bẫy bắt hết cả chim, bà nói: “Thà chết mà làm người thiện, còn hơn sống mà làm kẻ ác”**.

Dịch như vậy là không để ý chữ **tận** (尽) trong nguyên văn đồng nghĩa với chữ **tẫn** (殫) khắc sột bộ hỏa, và từ đôi **tận nhiên** (尽然) đi liền với từ **vị viết** chứ không phải đi liền với “**đặc túc điều giả**”, nghĩa là dấu phẩy phải được đặt sau chữ **giả** chứ không phải sau chữ **nhiên**. Và câu “**kiến đặc túc điều giả**” có nghĩa là thấy kẻ đặt bẫy bắt chim đêm. Từ **tận nhiên** (尽然) này chỉ là một trạng thái tâm lý như **di nhiên** (怡然) là **vui mừng**, **diến nhiên** (覩然) là **mắc cỡ** v.v... và có nghĩa là **buồn bã rơi lệ**. Chữ **tẫn** (殫) là **lệ đèn sáp rơi chảy**, từ đó dẫn tới **tận nhiên** (尽然) là **buồn bã rơi lệ**. Chữ **tẫn** (殫) này được dùng ở tiểu truyện thiền sư Từ Đạo Hạnh, trong câu: “Sư phương cử án nhi thù, thủ vị thích quyển, **đăng chi dư tẫn dĩ dục doanh cái**”, nghĩa là: “Sư đang tựa bàn mà ngủ, tay chưa rời quyển, **lệ nến thừa rơi đọng gần bút khay đèn**”. Rõ nét hơn cả là quyển 7, sách Cảnh Đức truyền đăng lục đã sử dụng từ **tẫn nhiên** (殫然) như sau: “Duy Khoan thiền sư giả... Niên thập tam kiến sát sanh giả, **tẫn nhiên** bất nhãn thực”, nghĩa là: “Thiền sư Duy Khoan, năm mười ba tuổi, thấy sát sanh, buồn bã không nở ăn...”.

Vậy câu trên có lẽ nên dịch là: (Mẹ họ Cù) khi còn chưa lấy chồng nhà ở cạnh bãi tha ma gần khu rừng, **thấy người ta đặt bẫy bắt chim đêm, bà buồn bã nói rằng: “Ta thà chịu chết mà làm điều thiện, hơn là sống mà làm điều ác!”**.

Nguyên văn (Cũng trang 95):

“Nhất nhật phương chúc **cấm**, hữu đại nhĩ hầu tự lâm trung xuất lai bảo kỳ bối cánh nhật nãi khứ. Cù thị giác hữu dụng, **cập sinh nhi ố chi**, khí vu lâm gian...”.

Bản NĐT dịch là: “Một hôm bà đang ngồi dệt **vải**, có con khỉ lớn từ trong rừng chạy ra, ôm lấy lưng bà suốt ngày mới bỏ đi. Sau đó bà biết mình có mang. Đến khi sinh ra, **đứa con mặt mũi xấu xí**, bà lấy làm ghét, bèn đem bỏ vào rừng...”.

Dịch như vậy có hai điểm đáng nói. Thứ nhất hẳn ai cũng biết chữ **cấm** (錦) nghĩa là **gấm** mà sao lại dịch là **vải**. Trong nguyên văn ở cả hai bản *TUTA* và *Đại Nam Thiên uyển truyền đăng tập lục (ĐNTUTĐTL)* đều không thấy có câu nào nói đến chi tiết “**đứa con mặt mũi xấu xí**”. Chữ **ố** (惡) ở đây là ghét chứ không phải xấu.

Vậy câu trên nên dịch là: “Một hôm, bà đang dệt gấm thì có con khỉ lớn từ trong rừng ra ôm lấy lưng bà suốt ngày mới bỏ đi. Bà Cù biết mình có thai, khi sinh con lấy làm ghét, bèn đem bỏ vào rừng”.

Nguyên văn (Cũng trang 95):

“Đồng hương Chiêm Thành **cụ sư Đàm thị** (具師譚氏), thủ nhi cục chi, nhân danh dĩ **Khí**”.

Bản NĐT dịch: “Trong hương có **sư cụ** người Chiêm Thành họ Đàm trông thấy đem về nuôi, nhân đó đặt tên là **Khí**”.

Theo chúng tôi nghĩ từ **cụ sư** mà dịch theo kiểu “mot à mot” là **sư cụ** e không ổn. Vì **sư cụ** là từ Nôm để gọi tôn kính nhà sư già theo kiểu người bình dân và không có từ Hán văn nào là **cụ sư** (具師) để chỉ **sư cụ** theo nghĩa trên. Theo chỗ chúng tôi nghĩ có lẽ đây là tên người Chiêm Thành được phiên âm như thế, bằng cứ là ở sách *Toàn thư* (B3 tờ 22b5 và 37a7) có ghi tên hai người Chiêm Thành là Cụ Ông và Cụ Ban. Về Cụ Ông, *Toàn thư* viết: “Niên hiệu Thiên Phù Duệ thứ 5 (1124), người nước Chiêm Thành là Cụ Ông và đồ đệ ba người đến châu”. Về Cụ Ban, sách ấy viết: “Mùa thu tháng 7 niên hiệu Thiên Thuận thứ 5 (1132), người nước Chiêm Thành là Cụ Ban v.v... trốn về nước họ, đến Nhật Lệ thì bị người trại Nhật Lệ bắt giải về kinh sư”.

Vậy có lẽ đoạn trên nên dịch là: “Trong làng có người Chiêm Thành là Đàm Cụ Sư nhặt về nuôi nên mới đặt tên là Khí”.

Tuy nhiên đây cũng chỉ là chỗ suy nghĩ của chúng tôi có tính cách gợi ý chứ không dám cho là đúng!

Trang 96 (Tiểu truyện thiên sư Ngô Ấn)

Nguyên văn:

Thường hữu tăng vấn: “Như hà thị đại đạo”. Sư vân: “Đại lộ”. Tăng vấn: “Học nhân vấn ‘đại đạo’, đối dĩ đại lộ! Vị thẩm hà nhật **đạt đại đạo?**”. Sư vân: “Miêu **nhĩ** vị giải tróc thử (貓兒未解捉鼠)”.

Bản NĐT dịch:

“Có tăng khách thỉnh vấn:

- Thế nào là đại đạo?

Sư đáp:

- Con đường lớn.

Khách hỏi:

*- Kẻ học này hỏi về đại đạo thế mà hòa thượng lại đáp là con đường lớn, đệ tử chưa biết bao giờ thì **đạt tới đại đạo**.*

Sư đáp:

*- **Mèo con** chưa biết bắt chuột”.*

Dịch như vậy đối với văn lý đời thường thì cũng chưa ổn, mà đối với thiền lý thì lại càng không ổn hơn. Trước hết xin nói về từ ngữ đời thường. Từ **miêu nhi** (貓兒) mà đa số người Việt ta học chữ Nho thường hiểu giản dị theo nghĩa từng tiếng là **mèo con**, thì đối với người Hoa, **miêu nhi** chỉ có nghĩa đơn giản là **con mèo**.

Cũng như **cẩu tử** (狗子) là con chó chứ không phải **chó con**. Chữ **nhi** (兒) đứng sau tên loài vật nhỏ nhỏ có nghĩa như tiếng **con** trong tiếng Việt. Chẳng hạn, con nhông tức con **bát bát** thì gọi là **bát bát nhi**, con hoàng oanh thì gọi là **hoàng oanh nhi**... Hoặc đứng sau giai cấp có nghĩa là “người, kẻ”, như **khất nhi** (乞兒) là người ăn mày, **đồ nhi** (屠兒) là kẻ đồ tể v.v...

Chúng tôi xin trưng dẫn một ngữ lục đã sử dụng từ **miêu nhi** với nghĩa **con mèo**: *Vấn: “Phàm Thánh đồng cư thời như hà?”, sư vân: “Lưỡng cá **miêu nhi**, nhất cá ninh”.* Nghĩa là: *Hỏi “Phàm Thánh cùng chung lộn thì thế nào?”, sư đáp “Cả hai **con mèo** đều cùng một bản tính là hung dữ” (Ngũ đẳng hội nguyên, q. 11).*

Gợi ý: Ý nói phàm, Thánh không có gì khác nhau, như tuy hai con mèo nhưng cũng đều có chung một cá tính là hung dữ.

Hay trong quyển 8, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-258 thượng) chép: *Sư nhân Đông Tây lưỡng đường các tranh miêu nhi. Sư ngộ chi vị chúng viết: “Đạo đắc tức cứu thủ miêu nhi. Đạo bất đắc tức trảm khước giả”.* Nghĩa là: *Thiền sư (Nam Tuyên Phổ Nguyên) nhân tăng chúng hai đường Đông Tây tranh nhau con mèo, sư bắt gặp mới nói với họ: “Nói đúng thì cứu được con mèo. Nếu không nói đúng thì ta chém quách nó”.*

Về thiền lý thì tại sao câu “*Miêu nhi vị giải tróc thử*” dịch “*Mèo con chưa biết bắt chuột*”, lại không đúng? Mèo con chưa biết bắt chuột là phải rồi còn sai chỗ nào! Để làm sáng tỏ chỗ sai này chúng ta cần rà soát lại tập quán Thiền tông. Theo quan điểm của Thiền tông thì những vấn đề thuộc chỉ ý huyền diệu của thiền như “*Tổ sư Tây lai ý*”, “*Phật pháp đại ý*”, “*Tự kỷ Phật*”, “*Đại đạo*”, “*Liên hoa vị xuất thủy*”, “*Liên hoa xuất thủy hậu*” v.v... là những điều bất khả tư nghì, cho nên chúng ta không thể đem tri kiến hạn lượng của chúng sanh, hoặc ngôn ngữ, văn tự mà hỏi bàn, giải thích được. Trong con mắt của các thiền sư đắc đạo nếu kẻ nào hỏi bàn tới những vấn đề đó là đã hành động một cách mê muội, ngược đời, chạy đuổi hư vọng. Do đó khi gặp học nhân hay đối phương

dem những vấn đề đó ra mà hỏi viên vông thì hầu hết thái độ của các thiền sư là im lặng một lát rồi hỏi: “*Đã hiểu chưa?*”, hoặc làm một cử chỉ biểu thị chuyện ngược đời như động đầu xuống đất, chống cằm lên trời để đi, hay lấy đôi dép để trên đầu rồi đi ra, hoặc trả lời một câu băng quơ vớ vẩn, hoặc trả lời một câu nghịch lý ngược đời, hoặc một câu biểu thị chuyện thật bình thường giản dị, để dồn người hỏi vào chỗ cùng đường kiến giải, may ra ở đó có chút cơ hội nào chăng?!

Chúng tôi xin trưng dẫn một số ngữ lục chứng minh:

- *Vấn: “Như hà thị Tây lai ý?”*, *sư viết: “Văn tử thượng thiết ngư”*. Nghĩa là tăng nhân hỏi: “Thế nào là ý của Tổ Đạt Ma từ Ấn Độ sang?”, thiền sư Đạo Khuông đáp: “Con muỗi đáp lên mình trâu sắt để đốt” (*Cảnh Đức truyền đăng lục*, q. 21).

- *Tăng vấn: “Như hà thị Phật pháp đại ý?”*, *sư viết: “Lư Lăng mễ tác ma giá?”*. Nghĩa là tăng nhân hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?”, thiền sư Hành Tư nói: “Giá gạo ở Lư Lăng bao nhiêu vậy cà?” (*Tổ Đường tập*, q. 3).

- *Tăng vấn: “Như hà thị Phật pháp đại ý?”*, *sư viết: “Hoàng Hà vô trích thủy, Hoa Nhạc tổng bình trầm”*. Nghĩa là tăng nhân hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?”, thiền sư Thiên Phước đáp: “Sông Hồng Hà cạn queo không giọt nước, núi Hoa Nhạc hoàn toàn bị ngập chìm” (*Cảnh Đức truyền đăng lục*, q. 15).

- *Tăng vấn: “Như hà thị Phật pháp đại ý?”*, *sư vấn: “Xuân nhật kê minh”*. *Viết: “Học nhân bất hội”*, *sư viết: “Trung thu khuyến phệ”*. Nghĩa là tăng nhân hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?”, thiền sư Đại Thiện đáp: “Ngày xuân gà gáy”, tăng nhân nói: “Học nhân không hiểu”. Sư nói thêm: “Trung thu chó sủa” (*Ngũ đăng hội nguyên*, q. 3).

- *Vấn: “Như hà thị đạo?”*, *sư viết: “Tường ngoại đề”*. *Viết: “Bất vấn giá cá”*. *Sư viết: “Nễ vấn na cá?”*, *viết: “Đại đạo”*. *Sư viết: “Đại đạo thấu Trường An”*. Nghĩa là tăng hỏi: “Thế nào là đạo?”, thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm (giả bộ tướng hỏi con đường) đáp: “Ở bên ngoài tường rào”. Tăng nhân nói: “Đệ tử không hỏi chuyện **con đường** đó”, sư hỏi: “Vậy chứ ông hỏi cái gì?”, tăng đáp: “Hỏi về đại đạo (**đạo lớn**) kia”. Sư (vẫn giả bộ hiểu lầm câu hỏi) đáp: “À **con đường lớn** hả, nó thông thấu tận Trường An lận” (*Ngũ đăng hội nguyên*, q. 4).

Với ngắn ấy trưng dẫn, chúng ta đã tạm nắm được tập quán Thiền tông khi gặp người hỏi về những vấn đề bất khả tư nghì. Giờ xin trở lại chuyện **mèo chưa từng biết bắt chuột**. Khi ông tăng hỏi **thế nào là đại đạo**, thiền sư Ngộ Ấn đã không chịu trả lời mà giả bộ hiểu nhầm nên đáp né là **con đường lớn** để ngầm khải thị ông tăng đừng hỏi vớ vẩn chuyện đó. Nhưng ông tăng không lĩnh hội, lại nằng nặc hỏi cho được “**Chừng nào đạt tới đạo lớn**”, nên sư Ngộ Ấn mới đưa ra một câu nói ngược đời: “**Mèo chưa từng biết bắt chuột**”. Dịch theo thuận ý thì không hiểu đúng thâm ý của thiền sư khi trả lời ông tăng! Dịch thiền và dịch văn học đời thường có khác nhau vậy.

Trang 100-101
(Tiểu truyện thiền sư Đạo Huệ và Biện Tài)

Nguyên văn:

“Thị dạ tam canh mẫn nhiên nhi tệt. Môn nhân Quách tăng thống bị lễ vật quy bốn quận trà-tỳ tâm tang tất, tháp vu Tiên Du sơn, Bảo Kham tự, thiên xá-lợi an trí”.

“Long kinh Vạn Tuế tự, Biện Tài thiền sư, Quảng Châu nhân...”.

Bản NĐT dịch: “*Canh ba đêm ấy sư lặng lẽ qua đời. Học trò là Quách tăng thống lo liệu lễ vật, đưa thi hài sư về quận nhà làm lễ hỏa táng rồi xây tháp ở bên cạnh chùa **Long Khám** núi Tiên Du, **một phần xá-lợi đem về thờ ở chùa Vạn Tuế tại Thăng Long***”.

“Thiền sư Biện Tài người Quảng Châu Trung Quốc”.

Đoạn này người dịch phạm nhiều sai sót. Thứ nhất nguyên văn của cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* đều viết là chùa **Bảo Kham (Khám)**, nhưng Bản NĐT lại dịch là chùa **Long Khám**. Thứ đến cả hai cũng đều viết: “*trà-tỳ tâm tang tất*”, nghĩa là: “*Làm lễ hỏa táng và chịu tâm tang xong*”, nhưng người dịch lại bỏ mất chi tiết quan trọng là Quách tăng thống làm lễ hỏa táng chịu tâm tang xong (tức sau 3 năm) mới dời xá lợi của sư về chùa Bảo Kham. Và quan trọng hơn hết là do trong nguyên văn ở cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* đều không chấm câu xuống dòng sau chữ cuối của phần tiểu truyện Đạo Huệ thiền sư để sang phần tiểu truyện thiền sư Biện Tài nên người dịch đã nhầm lẫn khi đem câu “*Long kinh Vạn Tuế tự*” là câu đầu của tiểu truyện thiền sư Biện Tài ghép vào phần cuối tiểu truyện thiền sư Đạo Huệ và làm tiểu truyện thiền sư Biện Tài mất phần nêu tên ngôi chùa mà sư trụ trì. Điều này cũng lạ vì tiểu truyện của tất cả các thiền sư được kể trong *TUTA* đều theo một bố cục duy nhất là trước hết nêu địa danh ngôi chùa mà thiền sư trụ trì tọa lạc, kế nêu tên ngôi chùa đó, rồi tới pháp danh thiền sư. Dịch như Bản NĐT thì hóa ra thiền sư Biện Tài không biết đã trụ trì ở chùa nào, và ngôi chùa đó không biết tọa lạc ở đâu!

Vậy đoạn trên nên dịch là: “*Canh ba đêm đó, sư lặng lẽ qua đời. Học trò là tăng thống họ Quách chuẩn bị lễ vật, đưa thi hài sư về quận nhà hỏa táng, **chịu tâm tang xong mới xây tháp ở chùa Bảo Kham trên núi Tiên Du, dời xá lợi của sư an trí vào đấy***”.

(Kết thúc tiểu truyện thiền sư Đạo Huệ, chuyển sang tiểu truyện thiền sư Biện Tài với câu mở đầu: “*Thiền sư Biện Tài ở **chùa Vạn Tuế tại kinh đô Thăng Long**, người Quảng Châu Trung Quốc...*”).

Để xác minh câu “*Long kinh Vạn Tuế tự, Biện Tài thiền sư, Quảng Châu nhân*” thuộc câu đầu của tiểu truyện thiền sư Biện Tài, tức **chùa Vạn Tuế ở kinh đô Thăng Long là nơi trụ trì của thiền sư Biện Tài**, chúng tôi xin trích dẫn đoạn sau đây trong tiểu truyện thiền sư Khánh Hỷ: “*Sư (Khánh Hỷ) bất hội nãi từ (Bổn Tịch) khứ, chí **Vạn Tuế Biện Tài**. Tài vấn...*”, nghĩa là: “*Sư Khánh Hỷ không khéo hội được, bèn giả từ thầy là Bổn Tịch, đến (tham vấn) thiền sư Biện Tài chùa Vạn Tuế. Biện Tài hỏi...*”.

Trang 114
(Tiểu truyện thiền sư Tín Học)

Nguyên văn:

“(Su) nhật duy nhứt thực, hình dung khô tụy, như thử hữu niên, **tuyệt vô yếm sắc** (絕無厭色)...”.

Bản NĐT dịch: “(Su) trong nhiều năm, hàng ngày chỉ ăn một bữa, hình dung khô héo tiêu tụy, **dứt hết lòng ham muốn**”.

Dịch như vậy là nhầm lẫn vì **tuyệt vô yếm sắc** có nghĩa là (**mặt**) tuyệt đối **không lộ vẻ chán nản chút nào**, ý nói tụy trong nhiều năm, đời sống thanh bần đạm bạc, thân thể héo mòn, nhưng thần sắc thiền sư Tín Học vẫn thản nhiên, ung dung vô sự, chẳng lộ vẻ chán nản.

Trang 120
(Tiểu truyện thiền sư Tịnh Không)

Nguyên văn:

Vấn: “Tổ ý dữ Giáo ý thị đồng thị biệt?”.

Sư vân: “Vạn lý thê hàng giai triều khuyết”.

Vấn: “Hòa thượng hữu kỳ đặc sự như hà bất hướng học nhân thuyết?”.

Bản NĐT dịch:

Hỏi: “Ý Tổ và ý Phật giống (nhau) khác nhau thế nào?”.

Đáp: “Trèo non vượt biển muôn dặm đều hướng về cửa khuyết”.

Hỏi: “**Trí tuệ** của hòa thượng thật đặc sắc kỳ lạ, sao không cho các đệ tử cùng biết?”.

Câu “Trèo non vượt biển muôn dặm đều hướng về cửa khuyết” dịch rất hay, đạt thấu ý thiền, không nhầm lẫn như hòa thượng Thanh Từ khi ngài dịch “Muôn dặm nhờ thuyền đều đến bến”. Nhưng tới câu “Hòa thượng hữu kỳ đặc sự như hà bất hướng học nhân thuyết?” mà dịch “**Trí tuệ** của hòa thượng thật đặc sắc kỳ lạ, sao không cho **các đệ tử cùng biết?**” thì lại hỏng nặng vì người dịch không nắm được xuất xứ câu này. Thật ra trong truyện thiền sư Tịnh Không, đoạn từ câu “Tổ ý dữ Giáo ý như hà thị biệt?” đến câu “Dạ Tỷ thời phu tọa trường vãng” hầu như TUTA đã chép lại giống 90% một đoạn trong tiểu truyện thiền sư Thiện Hội ở quyển 15, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-324 trung).

Vậy đoạn trên có lẽ nên dịch là: “Hòa thượng có bản sự độc đặc như thế sao không nói cho học nhân **mỗ đây** biết?”, nghĩa là sao không nói cho riêng bản thân tiểu sư biết mà thôi, chứ không phải “**cho các đệ tử cùng biết**”. Và “**kỳ đặc sự**” đây là “**bản sự**”, phong cách, sự việc sắc nét độc đáo chứ không phải “**trí tuệ của hòa thượng thật đặc sắc kỳ lạ**” như Bản NĐT dịch! Thuật ngữ “**kỳ đặc sự**” được trước tác Thiền lâm sử dụng rất nhiều như:

- Quyển 21, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-371 hạ) chép: Sư thượng đường viết: “Tông môn huyền diệu, vi đương chỉ nhĩ (tắm) ma đã, cánh biệt hữu kỳ đặc...”. Nghĩa là thiền sư La Hán Quế Sâm thượng đường nói: “Tông môn huyền diệu, chỉ nên như thế, chứ đâu có nét gì độc đáo đâu!”.

- Quyển 18, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-344 thượng) viết: *Sư hữu thời vân: “Chư thiên đức nhữ chư nhân tận tuần phương hành cước lai, xưng ngã tham thiên học đạo, vi hữu kỳ đặc xứ khứ, vi đương chỉ nhữ ma Đông vấn Tây vấn?”*. Nghĩa là thiền sư (Huyền Sa Sư Bị) có khi nói: “Thiền đức các ông đều đã đi hành cước các nơi trở về đây xưng ta đã tham thiên học đạo. Vậy có bản sắc gì độc đáo? Hay chỉ có hỏi này, hỏi nọ như thế?”.

Còn câu “*Tổ ý dữ Giáo ý thị đồng thị biệt?*”, Bản NĐT dịch: “*Ý Tổ và ý Phật giống nhau khác nhau thế nào?*”. Dịch như thế có lẽ do người dịch chưa để ý nghĩa đích thực của các thuật ngữ **Tổ ý** và **Giáo ý**, nên tuy về điểm chung chung thì dịch như thế không có gì sai, nhưng độc giả sẽ không nắm được ý nghĩa mấu chốt của câu hỏi trên. (Vấn đề Tổ ý và Giáo ý đã đề cập ở tiểu truyện quốc sư Thông Biện, xin không nhắc lại).

Vậy câu trên phải dịch đầy đủ hơn là: “Chỉ ý của Tổ Thiền tông và giáo nghĩa của chư gia Giáo tông giống hay khác nhau?”.

Trang 120 (Tiểu truyện thiền sư Đại Xả)

Nguyên văn:

Nhất nhật Lý Anh Tông vấn: “*Trẫm đa **phiền hoặc**, hà thuật thị chi?*”, sư vân: “*Thập nhị nhân duyên pháp, thị sanh tử tuần hoàn chi căn bản. Dục dĩ trị chi, thử kỳ dục dã*”.

Bản NĐT dịch:

“*Một hôm vua Lý Anh Tông vời sư đến hỏi:*

- *Trẫm nhiều **phiền cảm**, có phép gì chữa khỏi không?*

Sư nói:

- *Pháp thập nhị nhân duyên là gốc rễ của vòng sanh tử tuần hoàn. Bệ hạ dùng phép ấy thì đó là thuốc chữa bệnh vậy!*”.

Chúng tôi xem kỹ nguyên văn, ở cả hai bản *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* đều thấy chép là: “Trẫm đa **phiền hoặc** (煩惱)”, chứ không phải **phiền cảm** (煩感). **Phiền hoặc** là **phiền não** và **nghi hoặc mê lầm**, không thể dịch là **phiền cảm** được. Phải chăng người dịch đã sơ ý đọc nhầm **hoặc** thành **cảm**, vì tự dạng hai chữ **hoặc** và **cảm** khá giống nhau?

Đoạn này tác giả *TUTA* sao chép lại gần như nguyên ý đoạn viết về tiểu truyện thiền sư Bảo Chí ở quyển 27, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-430 thượng) như sau: “*Đế nhất nhật vấn sư viết: “Đệ tử **phiền hoặc** hà dĩ trị chi?”, sư viết: “Thập nhị thức giả dĩ vi thập nhị nhân duyên trị hoặc dục dã*”.

Trang 122 (Tiểu truyện thiền sư Đại Xả)

Nguyên văn:

“*... Tích Lương Vũ Đế thường dĩ thị vấn Bảo Chí thiền sư, Chí diệc như thị đối. Kim thiết vi bệ hạ **cử tự** (舉似)*”.

Bản NĐT dịch: “*... Ngày xưa, Lương Vũ Đế từng hỏi Bảo Chí thiền sư, Bảo Chí cũng trả lời như thế. Nay bản đạo trộm phép **nói tương tự để bệ hạ tham cứu***”.

“**Cử tự**” (舉似) là **thuật lại y hệt hồi trước**, chứ không phải **nói tương tự**, vì **nói tương tự** có nghĩa là **nói lại, kể lại gần giống, na ná, chứ không y hệt**. Do đó không diễn tả hết ý chữ **cử tự** được, **cử tự** là một thuật ngữ thiền cho nên cần phải được dịch sát chứ không thể phỏng dịch được.

Vậy câu trên có lẽ nên dịch là: “... Ngày xưa Lương Vũ Đế từng hỏi thiền sư Bảo Chí, Bảo Chí cũng trả lời như thế. Nay (bần đạo) trộm phép **thuật lại y hệt** cho bệ hạ nghe”.

Trang 123 (Tiểu truyện thiền sư Đại Xả)

Nguyên văn:

“*Đồ trung nhân cộng quá* (徒中人共過)
Mã thượng nhân bất hành (馬上人不行)”

Bản NĐT trích bản dịch bài thơ trên của ông Minh Chi như sau:

“*Trên đường người cùng qua
Cỡi ngựa, người không đi!*”

Dịch như vậy không đạt ý tác giả, mà về câu cú nghe cũng không hợp nghĩa. Ý của hai câu này chê chúng sanh ai cũng có Phật tính, tự kỷ Phật mà không biết sử dụng lại đi tìm Phật đâu đâu ở bên ngoài. Chẳng khác nào trên đường lăm kẻ qua lại nhưng đều cuốc bộ còn trên lưng ngựa thì chẳng thấy ai cỡi cả (ý nói kẻ có ngựa cũng chỉ dắt ngựa cuốc bộ chứ không biết cỡi trên lưng nó). Hai câu này ý cũng giống như hai câu thơ của thiền sư Đạo Hạnh:

*Phú nhân hữu câu tử
Bộ hành bất kị câu*

Nghĩa là:

Kẻ giàu có ngựa tơ
Cuốc bộ chẳng cỡi đâu

Trang 124 (Tiểu truyện thiền sư Tịnh Lực)

Nguyên văn:

“... (Su) *tính Ngô, húy Trạ, thiếu thông biện, trường ư văn nghệ* (長於文藝)”.
文藝).

Bản NĐT dịch: “(Su) *họ Ngô, tên húy là Trạ. Từ thuở nhỏ thông minh, giỏi biện luận, có tài văn nghệ...*”.

Dịch như vậy tuy không có gì sai, nhưng chung chung quá, có lẽ vì người dịch không để ý đến nghĩa của từ **văn nghệ** (文藝) trong thời quân chủ xa xưa. Thuở đó, từ **văn nghệ** không có nghĩa là **văn học nghệ thuật** như ta hiểu ngày nay, mà là một từ dùng để chỉ **một thể văn dùng trong khoa cử là thể “chế nghệ”**. **Văn nghệ** hay **văn chế nghệ** được viết theo thể **bát cổ**, gồm hai vế đối nhau và có chút ít thay đổi tùy theo cuộc thi ở mỗi triều đại, nhưng tựu trung gồm thi, phú, văn, sách, chế, chiếu, biểu v.v...

Vậy đoạn trên nên dịch: “(Sư) họ Ngô, tên húy là Trạ, từ nhỏ thông minh, biện bác lanh lợi, giỏi văn bát cổ khoa cử chế nghệ”.

Từ này Bồ Tùng Linh dùng rất nhiều trong *Liêu trai chí dị*, thí dụ như ở truyện Tư Văn Lang: “Sinh tầm phần, hiên mi, nương uyển nhi đại ngôn viết: “*Cầm đương tiền mệnh đề, nhất hiệu **văn nghệ** hồ?*”. Nghĩa là: Sinh xấu hổ đỏ quau, trợn mắt, xắn tay áo, thách lớn lối: “Các anh có dám ra đầu đề ngay tại đây để cùng nhau thi đấu văn chương chế nghệ không?”. Từ **văn nghệ** cũng có khi được Bồ Tùng Linh viết là **chế nghệ**, như trong truyện Long Phi tướng công: “*Lịch thời nhược hữu số niên chi cửu, nhiên hạnh vô khổ đản vô biệt thư khả đọc, duy **chế nghệ** bách thủ*”, nghĩa là: “Trải qua có lẽ đã mấy năm, nhưng may cũng không buồn khổ gì, có điều chẳng có sách chi khác để đọc, chỉ có hơn trăm bài **văn chế nghệ**!”.

Nguyên văn (Cũng trang 124):

“... Du học thời, ngộ Tiên Du Đạo Huệ, **châm giới tương đầu** (針芥相投), thê tâm Phật địa”.

Bản NĐT dịch: “*Khi du học được gặp thiền sư Đạo Huệ, ông bị cuốn hút, bèn dốc lòng nương nhờ đất Phật*”.

Dịch như vậy, ngoài lỗi bỏ sót địa phương Tiên Du, còn phạm phải nhầm lẫn khi hiểu “**châm giới tương đầu**” là “**bị cuốn hút**”. Cụm từ **châm giới tương đầu** (針芥相投) nguyên có nghĩa thường là **hột cải ném ra ghim trúng đầu mũi kim**, là một chuyện thật khó xảy ra, được sáng tác từng lâm sử dụng để chỉ thầy trò nhân duyên khế hợp thật đặc biệt hiếm thấy.

Trang 125

(Tiểu truyện thiền sư Tịnh Lực)

Nguyên văn:

“... Cậ thiện tri thức, phát ngôn hòa duyệt, **thuyết tất dĩ thời, nội vô bố úy, liễu đạt ư nghĩa**”.

Bản NĐT dịch: “... thân gần kẻ thiện tri thức, lời nói hòa nhã, **chẳng bao lâu trong tâm hết sợ hãi, hiểu thấu giáo lý**”.

“**Thuyết tất dĩ thời, nội vô bố úy**” tức “**nói năng phải tùy lúc, trong lòng không sợ hãi**” là hai vế phân biệt, nên không thể dịch chung thành “**chẳng bao lâu trong tâm hết sợ hãi**” được.

Vậy đoạn trên nên dịch là: “... thân gần bậc thiện tri thức, mở lời hòa nhã, **nói năng lựa lúc, trong tâm không sợ hãi, thấu đạt ý nghĩa**”.

Nguyên văn (Cũng trang 125):

“Quán nhất thiết pháp vô thiên, vô ngã, vô tác, **xứ sở ly phân biệt**, thị vi học đạo nhân dã”.

Bản NĐT dịch: “*Tất cả mọi pháp vô thường, vô ngã, vô tác, vô vi **chỗ nào thấy chênh lệch xa rời phải biết phân biệt để hiểu rõ***”.

Xứ sở ly phân biệt (處所離分別) là **lìa xa phân biệt “có không” của thế giới ý niệm nhị nguyên**, một yếu lý của thiền Phật giáo mà Thiền tông thường nhấn mạnh.

Đoạn văn **xử sở ly phân biệt** tác giả đã lấy ý ở quyển 3, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-221 trung) như sau: “*Nhữ dục minh bốn tâm giả, đương thẩm đế suy sát. Ngộ sắc ngộ thanh, vị khởi giác quán thời, tâm hà sở chi thị vô da? Thị hữu da? Ký bất đạo hữu vô xử sở, tức tâm châu độc lạng, thường chiếu thế gian...*”, nghĩa là (Tăng Na nói với môn nhân Tuệ Mãn): “Ông muốn sáng tỏ bốn tâm thì phải suy xét cẩn thận. Ngộ hình sắc, ngộ âm thanh mà chưa khởi giác thì tâm ở đâu? Đó là vô chăng? Đó là hữu chăng? Nếu đã không rơi vào chỗ đối đãi **hữu-vô** thì viên ngọc tâm kia tự ánh ngời, thường chiếu sáng khắp thế gian”.

Vậy câu trên có nghĩa là: “Quán sát tất cả các pháp đều không có thiên, vô ngã, vô tác, vô vi, **xa lìa phân biệt đối đãi có-không**, thì mới là người học đạo”. Nếu dịch như Bản NĐT thì không những trái hẳn ý của nguyên văn mà còn đảo lộn lý thiền nữa.

Trang 127 (Tiểu truyện thiền sư Trí Bảo)

Nguyên văn:

Sư tự thán viết: “Ngã tuy hữu xuất gia chi tâm, vị đắc xuất gia chi chí, thí như quật tỉnh, tuy chí cửu nhận, nhi bất cập tuyên, do vi khí tỉnh, hướng tu thân bất ngộ đạo dã”.

Bản NĐT dịch: *Sư than rằng: “Ta tuy có lòng xuất gia mà chưa hiểu thấu tông chỉ cũng ví như người đào giếng sâu đến chín nhận mà không gặp nước, còn đợi gì mà không bỏ cái giếng ấy đi! Hướng chi ta tu thân mà không ngộ đạo, biết tính thế nào?”.*

“**Do vi khí tỉnh**” (由爲棄井) có nghĩa là **cũng kể như cái giếng bỏ đi**. Toàn đoạn “*thí như quật tỉnh, tuy chí cửu nhận, nhi bất cập tuyên, do vi khí tỉnh*”, có nghĩa là: “Ví như đào giếng, tuy đã sâu đến chín nhận^(*) mà vẫn chưa gặp mạch nước, thì cái giếng đó cũng kể như cái giếng **bỏ đi**”. Dịch “*còn đợi gì mà không bỏ cái giếng ấy đi*” là không đúng với ý nguyên văn lắm.

Trang 130 (Tiểu truyện thiền sư Trường Nguyên)

Nguyên văn:

“Nãi mệnh sư cố giao phiên thân Lê Hối khoa trí khuyết hạ. Cập chí, quán Hương Sát tự, sư tự hồi đào quy (及至館香刹寺師自悔逃歸)”.

Bản NĐT dịch: “(Vua) bèn sai bạn cũ của sư là phiên thân Lê Hối đến khuyên mời. Sư nhận lời cùng đi, nhưng khi đến **chùa Quán Hương** lại lấy làm hối, bèn trốn về”.

Trước hết, dịch “*chùa Quán Hương*” là do người dịch không để ý nghĩa chữ **quán** (館) ở ngữ cảnh câu này. Chữ **quán** không phải đi chung với chữ **Hương** (香) thành danh từ đôi chỉ tên **chùa Quán Hương** mà là **động từ** có nghĩa **sắp xếp, bố trí cho thiền tăng ngụ tạm ở chùa nào đó, với ý trang trọng**.

* Nhận 仞: đơn vị đo lường thời nhà Chu, 1 nhận = 8 thước. BBT.

Thứ đến dịch và chấm câu như Bản NĐT làm cho câu văn trở nên mập mờ, không rõ nghĩa. Trong khi ý nguyên văn thì trình tự diễn biến rõ rệt như sau: “Vua sai bạn cũ của sư là phiên thần Lê Hối khuyến dụ mời sư về kinh (chuyện đó đã xong), **và khi đến nơi thì sắp xếp cho sư tạm ngụ tại chùa Hương Sát** (cũng đã xong), (sau đó) sư tự hồi trốn về”.

Ngoài ra, tuy chữ **sát** (刹) có nghĩa thông thường là **cột phướn, cái tháp thờ Phật**, hay **chỉ cái chùa như nghĩa của chữ “tự”** (寺), nhưng trong đoạn này khi nó đi chung với chữ **Hương** (香) để chỉ tên chùa là Hương Sát thì có nghĩa đại khái **“đất Phật thơm tho, tinh khiết”** chẳng hạn. Nếu hiểu chữ **sát** (刹) nghĩa là **chùa** thì đi liền với Quán Hương thành **Quán Hương sát** là **chùa Quán Hương** thì sau chữ **sát** (刹) tác giả còn thêm chữ **tự** (寺) làm chi! Không dám tự tin vào kiến thức của mình, chúng tôi đã thận trọng tra cứu các tự điển Phật học, cũng như đọc kỹ lại nhiều trước tác Thiền lâm nhưng cũng **chưa thấy có từ đôi “sát tự” (刹寺) nào được dùng để chỉ cái chùa cả!** Do vậy **“quán Hương Sát tự”** (館香刹寺) nên hiểu là: **“Bố trí cho sư ở tạm tại chùa Hương Sát”**, và toàn đoạn trên xin đề nghị dịch là: “(Vua) bèn sai người bạn cố giao của sư là phiên thần Lê Hối khuyến dụ người đến kinh đô. Khi đến nơi **bố trí sư tạm ngụ tại chùa Hương Sát**, sư tự hồi hận trốn về”.

Hơn nữa, chi tiết sau đây củng cố cho luận cứ của chúng tôi: Chữ **quán** với nghĩa là **bố trí để thiền sư tạm ngụ tại chùa khách** được tác giả dùng ở tiểu truyện thiền sư Đạo Huệ như sau: **“Cập chí cung... Lý Anh Tông đại duyệt, quán vu Báo Thiên tự”**, nghĩa là: “Khi sư đến cung... Lý Anh Tông rất đẹp dạ, **bố trí** người **tạm ngụ** tại chùa Báo Thiên”.

Trang 131

(Tiểu truyện thiền sư Trường Nguyên)

Nguyên văn:

Hựu thường ngữ nhân viết: “Kỳ tai! Kỳ tai! Thử chư chúng sanh vân hà cù hữu Như Lai trí tuệ, ngu si mê hoặc”.

Bản NĐT dịch: *Sư lại từng nói với môn đồ: “Lạ thay! Lạ thay! **Tại sao lại nói** các chúng sanh đều có trí tuệ của Như Lai mà vẫn ngu si mê hoặc”.*

Chúng tôi xem kỹ nguyên văn ở cả hai bản TUTA và ĐNTUTĐTL đều không thấy chi tiết nào có nghĩa là **“tại sao lại nói”**, có lẽ người dịch hiểu **vân** (云) là **nói**, **hà** (何) là **tại sao**. Nhưng chữ **vân hà** (云何) trong câu chỉ có nghĩa đơn thuần là **tại sao** và chỉ trạng thái ngạc nhiên của thiền sư mà thôi.

Vậy đoạn trên có nghĩa là: “Lạ thay! Lạ thay! Tại sao các chúng sanh kia đều có trí huệ của Như Lai mà vẫn ngu si mê hoặc?!”. Tuy là hỏi **“tại sao”** nhưng đây không phải là một nghi vấn mà chỉ bày tỏ một sự ngạc nhiên có tính chất than trách hoặc thương cảm chúng sanh có trí huệ của Như Lai mà không biết dùng. Trái lại, nếu dịch **“tại sao lại nói”** thì trở thành hàm ý phân vân nghi hoặc trí huệ Như Lai nơi chúng sanh. Hai ý xa nhau một trời một vực!

Trang 131
(Tiểu truyện thiền sư Tịnh Giới)

Nguyên văn:

*“Nhị thập lục tuế **anh tật** (嬰疾) mộng thiên nhân tống được, giác nhi đốn chi”.*

Bản NĐT dịch: “Năm hai mươi sáu tuổi **bị ốm**, chiêm bao thấy người trời xuống cho thuốc, tỉnh dậy thì khỏi bệnh”.

Chữ **anh tật** (嬰疾) không chỉ có nghĩa **bị ốm thông thường** không thôi, mà là **bị bệnh trầm kha dần vật đau khổ**. Nguyên văn dùng chữ **anh tật** rất đặc thể vì nó nói lên tình trạng sư bị bệnh nan y dần vật đau khổ nên mới phải nhờ đến người trời xuống cho thuốc và khi khỏi bệnh cảm cảnh đời đầy đau khổ mà xuất gia. Không phải chúng tôi cầu toàn, trách bị, vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết, nhưng dịch “**bị ốm**” như trên thì chưa lột tả được ý nghĩa đặc biệt của chữ **anh tật**, và cũng không ý thức được cái cảm cảnh đời đầy đau khổ khiến sư phải xuất gia sau khi hết bệnh.

Trang 137
(Tiểu truyện thiền sư Tịnh Giới)

Nguyên văn:

*“Thu lai lương khí sảng hung khâm
Bát đấu tài cao đối nguyệt ngâm (八斗才高對月吟)
Kham tiểu thiên gia si độn khách
Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm (為何將語以傳心)”*

Bản NĐT trích bản dịch bài thơ của ông Ngô Tất Tố trong quyển *Văn học đời Lý*:

*“Êm dịu hơi thu mát cõi lòng
Tài thơ **ngâm chọi bóng trăng trong**
Cửa thiền những thẹn người si độn
Để lại câu gì, nghĩ chữa thông.”*

Cố thi sĩ, học giả Ngô Tất Tố dịch bài thơ này có hơi non về cả từ lý đời thường và thiền lý. Từ **đối nguyệt âm** có một ý nghĩa rất thông thường là **ngâm thơ dưới ánh trăng** không thể dịch quá **chơn chất bình dân** là **ngâm chọi bóng trăng trong** được. Đó là dịch non về từ lý đời thường. Còn về thiền lý, câu “*Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm*” có nghĩa rất giản dị là: “*Tại sao lại toan đem lời lẽ, ngôn ngữ để truyền tâm?*” thay vì phải lấy **tâm truyền tâm** theo quan điểm **bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, dĩ tâm truyền tâm** của Thiền tông. Toàn bài thơ có ý **chê bai, phê bình** những thiền khách nhân có tài cao văn học nên thường hay mượn chuyện ngâm vịnh của các thi nhân đời thường để trình kiến giải, những mong qua đó mà có thể truyền tâm ấn, tức **chỉ ý** Thiền tông. Vậy toàn bài thơ có lẽ tạm dịch như sau:

Thu sang hơi mát khỏe hung khâm
 Tài thơ tám dấu dưới trắng ngâm
 Luống then thiền gia kia si độn
Sao đem lời lẽ để truyền tâm?

Trang 139-140
(Tiểu truyện thiền sư Giác Hải)

Nguyên văn:

Tăng vấn: “Phật dữ chúng sanh thù ân thù chủ?”.

Sư thị kệ vân:

A giác nữ đầu bạch (丫角女頭白)

Báo nhĩ tác giả thức

Nhược vấn Phật cảnh giới

Long môn tao điểm ngạch (龍門遭點額)

Vì chữ **A** (丫) trong câu đầu ở bản Vĩnh Thịnh khắc rất giống chữ **liễu** (了) nên người dịch đã đọc nhầm là **liễu**, rồi tự thấy **liễu giác** (了角) có vẻ **không có nghĩa** nên tự động sửa lại là **liễu dụng** (了用) rồi chú thích nhầm lẫn như sau: “Nguyên bản in chữ **giác** 角 (góc, sừng) không có nghĩa, do chữ **dụng** (用) làm thành” nên phiên âm nhầm lẫn, câu đầu bài thơ như sau: “**Liễu dụng** nữ đầu bạch” và dịch bài thơ với câu đầu thật vô nghĩa:

“Biết dùng gái đầu bạc

Báo ông **người khéo biết**

Nếu hỏi cảnh giới Phật

Cửa rồng bị điểm trán”

Chữ **A** (丫) còn đọc là **nhà** có nghĩa là xòe ra thành hai góc. **A giác** (丫角) chỉ tóc các cô gái còn nhỏ tuổi búi thành hai trái đào trông như hai cái **sừng**. Vậy **a giác nữ** (丫角女) hàm ý chỉ cô con gái **nhỏ tuổi**. Toàn câu “**A giác nữ đầu bạch**” chỉ một sự vô lý ngược đời là “*Cô con gái tóc còn để chỏm mà đầu đã bạc*”. Tại sao tăng hỏi: “*Phật và chúng sanh ai khách, ai chủ?*” mà thiền sư Giác Hải lại trả lời bằng một câu nghịch lý như thế? Là vì, hỏi như thế là hỏi cảnh giới của Phật hay cảnh giới của các cao tăng đắc đạo, hoặc đại ý Phật pháp, hoặc đại ý Tổ sư Tây lai v.v... vốn là những vấn đề bất khả tư nghì, không thể dùng phàm tình mà hỏi bàn, cũng không thể dùng ngôn ngữ văn tự mà lý giải được. Cho nên trong con mắt các thiền sư ngộ đạo thì kẻ nào toan đem những chuyện đó hỏi bàn là đã làm một chuyện viển vông, hư vọng, vô ích ngược đời nên các ngài thường dùng một hình ảnh vô lý, một câu nói nghịch thường để đáp lại hầu ngầm khải thị họ. Trong bài kệ trên, thiền sư Giác Hải còn nói rõ thêm là “*Báo cho bậc thiện tri thức trong nhà hiền biết, nếu hỏi đến cảnh giới Phật không khéo lại bị phạt như con cá chép vượt vũ môn không được bị điểm một chấm trên trán*”.

Câu “**A giác nữ đầu bạch**” (丫角女頭白) này thiền sư Giác Hải mượn lời của thiền sư Đầu Tử Đại Đồng (có sửa lại đôi chữ). Quyển 15, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-319 hạ) chép: Vấn: “*Như hà thị Tổ sư ý (Tổ sư Tây lai ý)?*”, sư viết: “*Di Lạc mịch cá thọ ký xứ bất đắc*”. Vấn: “*Hòa thượng trụ thủ lai hữu hà cảnh giới?*”, sư viết: “*Quán* (𠂇) **giác** nữ tử bạch đầu ty (Sách cước chú: Quán 𠂇 = A 丫)”. Đoạn trên có nghĩa là: Hỏi: “*Thế nào là ý của Tổ Đạt Ma từ*

Ấn Độ sang? (tức diêu chỉ Thiền tông)". Thiền sư Đầu Tử Đại Đồng đáp: "Phật Di Lặc tìm một chỗ thọ ký mà không được" (cũng chỉ một chuyện nghịch lý). Hỏi: "Hòa thượng trụ trì nơi đây có cảnh giới gì?", sư đáp: "Cô gái tóc còn để chỏm hai trái đào mà đầu đã bạc như tơ".

Vậy bài thơ trên có lẽ nên tạm dịch như sau:

Bé gái đầu bạc phơ
Bảo khách thiền kiệt xuất
Cảnh giới Phật hồi bàn
Long môn bị điểm trán

Xin nói thêm là đối với câu hỏi liên quan đến cảnh giới, có khi thiền sư không dùng từ ẩn ý **A giác nữ** (丫角女) để chỉ bé gái mà dùng thẳng từ **anh nhi** (嬰兒) để chỉ đứa bé con như ở quyển 12, sách *Cảnh Đức truyền đăng lục* (Đại 51-295 hạ): *Chỉ Y hòa thượng sơ vấn Lâm Tế: "Như hà thị đoạt nhân bất đoạt cảnh?", Lâm Tế viết: "Xuân khí phát sinh phô địa cấm. **Anh nhi** tùy phát bạch như ty".* Nghĩa là buổi đầu, hòa thượng Chỉ Y hỏi Lâm Tế: "Thế nào là đoạt người chẳng đoạt cảnh?", Lâm Tế đáp: "Khí xuân phát sinh trải gấm trên đất, trẻ con xõa tóc bạc như tơ".

Trang 144

(Tiểu truyện thiền sư Quảng Nghiêm)

Nguyên văn:

"... *Đan Phụng nhân dã, tính Nguyễn thị, tảo **khuyết hồ thị** (缺怙恃), tòng cụu thị Bảo Nhạc thụ nghiệp*".

Bản NĐT dịch: "*Thiền sư họ Nguyễn, người Đan Phụng, từ nhỏ **mô côi cha**, theo hầu cậu là Bảo Nhạc*".

*Kinh Thi: "Vô phụ hà **hổ**, vô mẫu hà **thị**" (無父何怙, 無母何恃) nghĩa là: "Không cha nương ai, không mẹ cậy ai". Do đó từ **hổ thị** (怙恃) chỉ cả cha lẫn mẹ. Vậy **khuyết hồ thị** (缺怙恃) là **mô côi cả cha lẫn mẹ**.*

Trang 152

(Tiểu truyện cư sĩ Thông Sư)

Nguyên văn:

"... *Thường nhất nhật nhập thất thành ích vân: "Như hà giác liễu Phật pháp?", Chiếu sư vân: "Phật pháp bất khả giác, liễu thử **ninh giác pháp. Chư Phật như thị tu: nhất thiết pháp bất khả đắc***".

Bản NĐT dịch: *Một hôm vào phòng hỏi thầy: "Làm thế nào hiểu rõ Phật pháp?". Thường Chiếu đáp: "Phật pháp không thể biết rõ, **hiểu điều này thì sẽ không cần hiểu pháp. Chư Phật đều tu hành như không có pháp gì để biết rõ được. Chư Phật đều như thế, tu tất cả pháp đều bất khả đắc***".

Dịch như vậy là thiếu chính xác về văn lẫn ý thành ra rườm rà lúng túng. Trước hết là câu trả lời của thiền sư Thường Chiếu: "*Phật pháp bất khả giác, liễu thử ninh giác pháp*", có nghĩa là: "Phật pháp không thể hiểu rõ, liễu ngộ được nguyên lý đó mới gọi là hiểu pháp". Dịch: "*Hiểu điều này thì sẽ không cần hiểu pháp*" là trái ngược ý sư Thường Chiếu. Còn câu: "*Chư Phật như thị tu: nhất thiết pháp bất khả đắc*" có nghĩa là: "Chư Phật tu như vậy: tất cả pháp

không thể đắc”. Câu này có ý tương tự như câu: “*Dĩ vô sở đắc... cố đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề*” trong kinh Kim Cang. Đây là một quan điểm hết sức quan trọng của Thiền tông, người dịch phải hết sức bén nhạy mới nắm bắt được diệu ý: Các pháp vốn trạm nhiên không tịch, là tất cả tướng (của ý niệm) nên không thể dùng lý trí vọng thức để tìm hiểu, ngôn ngữ văn tự để diễn tả hoặc tư duy hạn lượng để suy lường, cho nên liễu ngộ tánh bất khả đắc của tất cả pháp chính là giáo pháp, là tu tập theo Phật đạo vậy. Trong Thiền tông đôi lúc cũng dùng từ “*đắc pháp*” hoặc trong kinh nói “*đắc A La Hán*”, “*đắc Phật*” v.v... đều có nghĩa là đã giác ngộ ra thật tánh bất khả đắc của tất cả pháp, chứ không phải là nắm bắt hay sở hữu được một pháp nào cả!

Trang 153

(Tiểu truyện cư sĩ Thông Sư)

Nguyên văn:

“*Hậu dĩ hoàng triều Kiến Trung (皇朝建中) tứ niên, Mậu Tý, thất nguyệt thị tịch*”.

Bản NĐT dịch: “*Sau sư qua đời ngày tháng 7 năm Mậu Tý niên hiệu Kiến Trung thứ 4 (1228) đời Hoàng Triều (Trần)*”.

Hai chữ 皇朝 mà dịch **đời Hoàng Triều** thì thật nhầm lẫn quá! Hoàng triều (皇朝) không phải chỉ **đời vua**, mà là một từ thường dùng trong sách vở **gọi tôn vọng vương triều đang trị vì**. Từ này thường đặt trước niên hiệu như trường hợp “**hoàng triều** Kiến Trung” nêu trên, hoặc như ở cuối bài tiểu dẫn “Trùng san Thượng sĩ ngữ lục” của tỳ kheo Thanh Hanh in ở đầu sách *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*: “**Hoàng triều** Thành Thái thập ngũ niên...” tức “**Năm thứ 15 hoàng triều** Thành Thái ta”, hoặc “**Năm thứ 15 hoàng triều** Thành Thái nhà Nguyễn ta”. Hoặc như ở cuối bài tự dẫn “Ngự chế khóa hư” của Nguyễn Thận Hiên, pháp danh Đại Phương, in ở đầu sách *Trần Thái Tông ngự chế khóa hư* (tức *Khóa hư lục*): “**Thời hoàng triều** Minh Mạng vạn vạn niên, tuế tại Canh Tý, thu quý, hạ cán, khánh hỉ nhật”, nghĩa là: “Ngày tốt đẹp, hạ tuần tháng 10, năm Canh Tý, **hoàng triều** Minh Mạng vạn vạn năm”.

Từ **hoàng triều** dùng kèm với niên hiệu như “*hoàng triều Kiến Trung*” có khi chỉ dùng có một chữ **hoàng** (皇) dùng kèm với triều đại như tựa sách *Hoàng Lê nhất thống chí*, hoặc như quyển 3, sách *Cảnh Đức truyện đăng lục* (Đại 51-232 thượng) chép: “**Chí hoàng** Tống Cảnh Đức nguyên niên”, nghĩa là: “**Đến năm đầu niên hiệu Cảnh Đức hoàng triều** nhà Tống ta”.

Vậy “**hoàng triều** Kiến Trung tứ niên” nên dịch là: “**Năm thứ 4 hoàng triều** Kiến Trung ta”, hoặc “**Năm thứ 4 hoàng triều** Kiến Trung nhà Trần ta”.

Trang 157

(Tiểu truyện thiền sư Túc Lự)

Nguyên văn:

“*Thường ư giải hạ nhật, thiết cơ đặc đắc nhất mĩ nguy tử (設機弋得一買危子) dĩ tấn*”.

Bản NĐT dịch: “*Một hôm vào ngày giải hạ, sư bủa lưới bắt được con cá trê (!) đem đến biếu thầy*”.

Dịch như vậy vì không để ý nghĩa của từ **mãi nguy tử** (買危子) mà từ điển *Từ nguyên* có ghi rõ là tên riêng của con chim **bố cốc**, một loài chim na ná như con anh vũ mà tiếng kêu của nó khiến người nông dân nghĩ tới việc mua lưới mai, lưới thuổng để làm mùa (**nguy tử** 危子 là cây mai, cây thuổng để làm mùa). Hơn nữa, nếu tinh ý người dịch cũng không thể nào dịch “*bủa lưới bắt được con cá trê*”, vì rõ ràng trong nguyên văn tác giả dùng từ **thiết cơ đặc đắc** (設機弋得). **Thiết cơ** là **đặt bẫy bắt loài chim, loài thú**, còn **đặc** (弋) là từ chỉ riêng việc **bẫy chim**, còn nếu muốn nói đến lưới cá thì người ta thường dùng từ **võng đắc** (網得). Vậy cả động từ lẫn danh từ đều chứng tỏ là bẫy chim chứ không thể lưới cá được.

Con cá trê chữ Hán là **hồ tử ngư** (鬍子魚) tức con cá có chòm râu (**hồ tử** 鬍子 là chòm râu). Sở dĩ gọi như thế là vì con cá trê có một chòm râu nơi mép. Ngoài ra còn có tên khác là **đường sắt** (塘虱), hoặc **thu ngư** (鰕 = 鰕魚) ý nói là con cá mình trơn nhớt như con cá chạch, chữ **thu** 鰕 là con cá chạch.

Trang 159 (Tiểu truyện thiên sư Hiện Quang)

Nguyên văn:

“*Tâm dĩ thụ Hoa Dương công chúa đàn thí, thời báng phong khởi. Sư văn vị viết: Phù! Dĩ thế tục nhạng giả, tất bất miễn ư hỷ nhục.*”

Bản NĐT dịch: “*Sư từng nhận lễ cúng dường của công chúa Hoa Dương. Bấy giờ những lời hủy báng đạo Phật dấy lên như ong, sư nghe biết, tự nghĩ rằng: “Phàm có quan hệ với những người được thế tục ngưỡng mộ tất không tránh khỏi bị điều tiếng chê bai.”*

“**Thời báng phong khởi**” (時謗蜂起) mà dịch là: “Bấy giờ những lời hủy báng **đạo Phật** dấy lên như ong” thì tội cho Phật giáo thời đó quá! Và chúng tôi cũng không biết người dịch căn cứ vào điểm nào trong hai nguyên văn của *TUTA* và *ĐNTUTĐTL* mà **cường điệu thêm chi tiết “đạo Phật”** vào, trong khi nghĩa của bốn chữ **thời báng phong khởi** chỉ là “**những lời hủy báng (thiên sư Hiện Quang) nổi lên như ong**”. Thiên sư Hiện Quang nhận tiền của cúng dường từ công chúa Hoa Dương nên bản thân ông bị dị nghị, chứ đạo Phật có mắc mớ gì mà bị hủy báng. Đó là nói về sai lầm ở từ lý, còn về sự thì công chúa Hoa Dương ở cuối đời Trần, là thời đại mà dân chúng rất sùng đạo Phật, thì chuyện “*hủy báng đạo Phật dấy lên như ong*” là không thể có được.

Còn câu “*Phù! Dĩ thế tục nhạng giả, tất bất miễn ư hỷ nhục*” có nghĩa là “*Ôi, phàm kẻ **nướng cấy, nhờ vả** người thế tục thì tất nhiên không tránh khỏi chuyện bị hủy báng, sỉ nhục*”. Bản NĐT dịch: “*Phàm có quan hệ **với những người được thế tục ngưỡng mộ**...*” có lẽ muốn chỉ công chúa Hoa Dương, là người hoàng tộc được nhiều người ngưỡng mộ. Sở dĩ dịch như vậy là do người dịch phiên âm nhầm rồi hiểu không đúng nghĩa chữ **nhạng** trong nguyên văn. Chữ **nhạng** này (仰) ở những ngữ cảnh thông thường khác được phiên âm là **ngưỡng** và có nghĩa là **ngưỡng mộ**, nhưng trong ngữ cảnh ở câu trên thì nó được phiên âm là **nhạng** và có nghĩa là **nướng tựa, nhờ cậy**. (*Hán Việt tự điển* của cụ Thiều Chửu: Chữ 仰 âm là **nhạng**, như **nhạng trượng** là nhờ cậy. *Từ nguyên*: 仰: Nhị dạng thiết dạng vận (**nhạng**): y lại tha nhân viết **nhạng**, nghĩa là “Nướng tựa nhờ vả người khác gọi là **nhạng**”).

Trang 160
(Tiểu truyện thiền sư Hiện Quang)

Nguyên văn:

“Nhất nhật kiến **thị giả** (侍者) cung mễ, ngộ phúc ư địa”.

Bản NĐT dịch: “Một hôm (sư) thấy **người hầu của một tín chủ** mang gạo lên cúng cho chùa”.

Chữ **thị giả** (侍者) mà dịch là “*người hầu của một tín chủ*” e không ổn, vì nếu là người hầu của một tín chủ thì chắc phải được gọi bằng **đồng, bộc** hoặc **nô** chứ không thể là **thị giả**, một chữ chỉ được dùng để chỉ **người hầu của các thiền sư**. Vậy **thị giả** trong đoạn này có lẽ là người hầu của thiền sư trụ trì Pháp Giới đem gạo thóc đến cúng ứng cho sư Hiện Quang.

Nguyên văn (Cũng trang 160):

“Sư tự hồi vân: ‘Dư sinh vô ích ư nhân, đồ lao cung cấp, dĩ chí như thử’.

Nãi **y diệp, hưu lương** (衣葉休糧)...”.

Bản NĐT dịch: *Sư thấy vậy lấy làm hối nghĩ rằng: “Ta sinh ra chẳng có ích gì cho ai, chỉ làm cho mọi người cung đốn vất vả nên mới đến nỗi như thế”. Từ đó sư chỉ ăn rau, mặc lá **không phải lo lường** gì nữa”.*

Y diệp, hưu lương (衣葉休糧) mà dịch là “**ăn rau mặc lá**” thì hay quá rồi. Giá mà người dịch dừng thêm vô mấy chữ “**không phải lo lường gì cả**” thì hay biết mấy. Chúng tôi đoán sở dĩ người dịch thêm vô mấy chữ sai nhầm đó là do bối rối khi thấy trong nguyên văn ở bản *TUTA* có chép là **hưu lương** (休量) và chữ **lượng** (量) này có nghĩa là **lo lường**, nên mới dịch là “**không phải lo lường gì nữa!**”. Thật ra đây là **hưu lương** (休糧) tức không dùng lương thực gạo, mè, đậu v.v... mà chỉ dùng **rau cỏ**. Chữ **lượng** (糧) ở câu này nguyên văn *TUTA* khắc thiếu bộ mễ (米) thành **lượng** (量) trong khi nguyên văn ở bản *ĐNTUTĐTL* lại khắc đúng là chữ **lượng** (糧). Tuy nhiên, nếu tình ý hẳn người dịch phải nhớ là từ **hưu lương** này trước đó ở tiểu truyện thiền sư Đại Xả, nguyên văn *TUTA* cũng viết đúng chữ **lượng** (糧) trong câu: “*Thời hoặc tán phát hưu lương, thê chỉ vô dịch sở*”, nghĩa là: “*Thường sư xỏa tóc nhịn ăn cơm, dùng nghỉ không nơi nào nhất định*”.

(Còn tiếp)

L V D

TÓM TẮT

Bài viết nêu lên các sai sót và góp ý chỉnh sửa các sai sót ấy trong cuốn *Thiền uyển tập anh* (Anh tú vườn Thiền) do Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch và chú thích, Nxb Văn học ấn hành năm 1990. Các sai sót này, đáng tiếc đã không được các dịch giả chỉnh sửa hết trong những lần tái bản sau này.

ABSTRACT

**SOME SUGGESTIONS FOR THE TRANSLATION OF “THIỀN UYỂN TẬP ANH”
BY MR. NGÔ ĐỨC THỌ AND MS. NGUYỄN THÚY NGA**

The article refers to the errors in *Thiền uyển tập anh* (Collection of Outstanding Figures in Zen Garden) translated and annotated by Ngô Đức Thọ and Nguyễn Thúy Nga, published by Literature Publishing House in 1990; simultaneously, it offers some suggestions on correcting these errors which, unfortunately, have not been corrected thoroughly in subsequent reprints.